

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MA KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19/08/2021)



AN TIEN
INDUSTRIES

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...33.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24.. tháng .02.. năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày/...../2022 tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Điện thoại: 02163 856 555

Website: <https://antienindustries.com/>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3377 6699

Website: <https://sbsi.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Đặng Thị Quỳnh Phương

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 02163 856 555

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19/08/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: cổ phiếu Công ty Cổ phần An Tiến Industries
Loại cổ phiếu	: cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/ cổ phiếu
Giá chào bán	: 10.000 đồng/ cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	: 36.831.508 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	: 368.315.080.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tám tỷ, ba trăm mười lăm triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội

Điện thoại : +84 24 3831 5100

Website : www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ : Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 024 3377 6699

Website : <https://sbsi.vn/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1. Tổ chức phát hành.....	5
2. Tổ chức tư vấn.....	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	9
5. Rủi ro pha loãng.....	10
6. Rủi ro quản trị Công ty.....	12
7. Rủi ro khác.....	12
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	14
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	14
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	15
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	17
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	17
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	23
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	24
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	28
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	29
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	29
10. Hoạt động kinh doanh.....	29
11. Chính sách đối với người lao động.....	55
12. Chính sách cổ tức.....	57
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	58
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	58
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	59
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	59
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	60
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	60

2. Tình hình tài chính.....	62
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	69
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	71
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	73
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	73
2. Thông tin về cổ đông lớn	73
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	75
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	90
1. Loại cổ phiếu	90
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	90
3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	90
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	90
5. Giá chào bán dự kiến	90
6. Phương pháp tính giá.....	90
7. Phương thức phân phối.....	92
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	92
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	93
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	93
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	94
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	94
13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	94
14. Các loại thuế có liên quan	94
15. Thông tin về các cam kết.....	95
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	96
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	97
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	97
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	98
1. Tổ chức kiểm toán	98
2. Tổ chức tư vấn.....	98
3. Ý kiến của tổ chức tư vấn	98
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	99
XII. PHỤ LỤC.....	100

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/10/2021.....	29
Bảng 2: Doanh thu công ty mẹ các năm.....	36
Bảng 3: Doanh thu hợp nhất các năm.....	36
Bảng 4: Lợi nhuận gộp công ty mẹ các năm	37
Bảng 5: Lợi nhuận gộp hợp nhất các năm	37
Bảng 6: Sản lượng sản phẩm, tỷ lệ trong doanh thu.....	38
Bảng 7: Sản lượng sản phẩm, tỷ lệ trong lợi nhuận gộp	38
Bảng 8: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021	39
Bảng 9: Tài sản cố định hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021.....	39
Bảng 10: Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/12/2021	40
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ theo thị trường hoạt động	40
Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ theo thị trường hoạt động.....	40
Bảng 13: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021	41
Bảng 14: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty	41
Bảng 15: Các hợp đồng lớn	42
Bảng 16: Khách hàng của Công ty năm 2019	45
Bảng 17: Khách hàng của Công ty năm 2020	45
Bảng 18: Khách hàng của Công ty năm 2021	46
Bảng 19: Nhà cung cấp của Công ty năm 2019	47
Bảng 20: Nhà cung cấp của Công ty năm 2020	47
Bảng 21: Nhà cung cấp của Công ty năm 2021	48
Bảng 22: Một số chỉ tiêu tình hình hoạt động kinh doanh Công ty mẹ.....	53
Bảng 23: Một số chỉ tiêu tình hình hoạt động kinh doanh hợp nhất	53
Bảng 24: Ngành nghề kinh doanh có điều kiện.....	54
Bảng 25: Cơ cấu lao động Công ty.....	56
Bảng 26: Tỷ lệ chi trả cổ tức	58
Bảng 27: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh Công ty mẹ	60
Bảng 28: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh hợp nhất.....	60
Bảng 29: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu Công ty mẹ	62
Bảng 30: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu hợp nhất.....	62
Bảng 31: Tình hình các khoản phải thu Công ty mẹ	63
Bảng 32: Tình hình các khoản phải thu hợp nhất.....	63
Bảng 33: Tình hình các khoản nợ phải trả Công ty mẹ	64
Bảng 34: Tình hình các khoản nợ phải trả hợp nhất.....	65

Bảng 35: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước công ty mẹ.....	66
Bảng 36: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước hợp nhất.....	66
Bảng 37: Số dư các quỹ Công ty mẹ	66
Bảng 38: Số dư các quỹ hợp nhất.....	67
Bảng 39: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ.....	67
Bảng 40: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất	68
Bảng 41: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022	71

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm	6
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm.....	7
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	17
Hình 4: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý.....	18
Hình 5: Hạt phụ gia PP	30
Hình 6: Hạt phụ gia PE.....	31
Hình 7: Hạt phụ gia sinh học tự hủy hoàn toàn	31
Hình 8: Bột đá CaCO ₃	32
Hình 9: Hạt độn màu	32
Hình 10: Hạt nhựa kỹ thuật Compound.....	33
Hình 11: Quy trình sản xuất bột đá.....	34
Hình 12: Quy trình sản xuất hạt nhựa phụ gia.....	35
Hình 13: Kết quả kinh doanh các doanh nghiệp cấp hạt phụ gia nhựa	49

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- Ông Đinh Xuân Cường Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Bà Đặng Thị Quỳnh Phương Chức vụ: Tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Thu Nhân Chức vụ: Kế toán trưởng
- Bà Nguyễn Thị Huyền Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

- Đại diện theo Pháp luật: Ông Nguyễn Quang Anh
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 0111/2021/TVPH/SBSI-HII ngày 01 tháng 11 năm 2021 với Công ty Cổ phần An Tiến Industries. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần An Tiến Industries cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

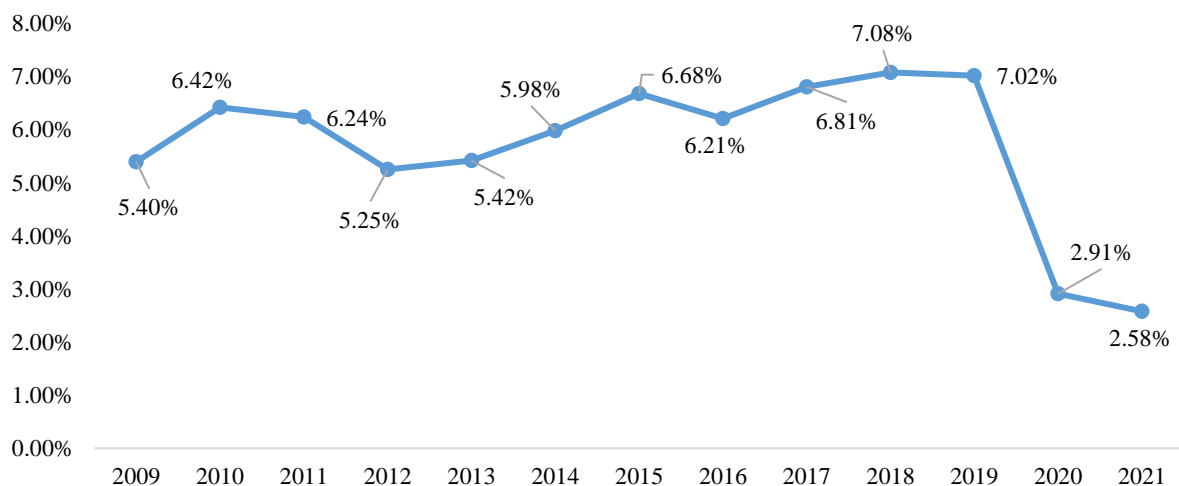
1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần An Tiên Industries nói riêng.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tình hình kinh tế thế giới khởi sắc trong năm 2021 khi các quốc gia triển khai mạnh mẽ chiến lược tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 đã giúp giảm nhanh số ca lây nhiễm và tử vong. Tuy nhiên, tăng trưởng của các nền kinh tế có sự khác biệt do tốc độ triển khai vắc-xin và chính sách hỗ trợ khác nhau ở các quốc gia. Thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi nhưng có xu hướng chậm dần, giá nhiều mặt hàng tăng mạnh so với năm 2020, lạm phát gia tăng nhưng nhìn chung vẫn được kiểm soát trên toàn thế giới. Ngoài ra, đại dịch đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm cho giá nguyên liệu sản xuất tăng là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia.

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2021 chỉ tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Mặc dù kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại do dịch covid-19 kéo dài, song Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) lạc quan về triển vọng trung và dài hạn của kinh tế Việt Nam¹. Tăng trưởng có thể được hỗ trợ bởi sự phục hồi của cầu nội địa, đẩy mạnh giải

¹ <https://www.adb.org/vi/news/viet-nam-economy-slow-down-covid-19-adb-bullish-economic-growth-medium-longer-term>

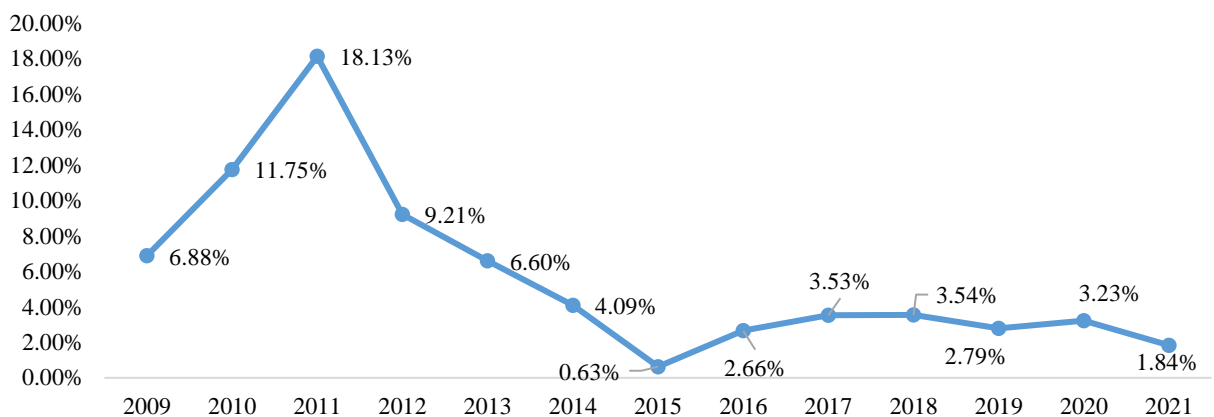
ngân vốn đầu tư công, mở rộng hoạt động sang các thị trường xuất khẩu mới do các hiệp định thương mại mang lại, và sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu.

Kinh tế tăng trưởng thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm nói chung, các sản phẩm nhựa nói riêng, qua đó tăng nhu cầu tiêu thụ đối với sản phẩm Công ty cung cấp.

1.2 Lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế. Từ năm 2015 trở lại đây tỷ lệ lạm phát tương đối ổn định, duy trì ở mức thấp: lạm phát duy trì dưới mức 4%, do chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

1.3 Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng vốn vay từ các ngân hàng thương mại nên lãi suất biến động sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Những bất ổn về lạm phát và lãi suất (2008 – 2010) đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế, là bài học kinh nghiệm cho Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Quan điểm nhất quán, xuyên suốt trong việc điều hành chính sách tài chính, tiền tệ hiện nay của Chính phủ là đảm bảo ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Do vậy, rủi ro lãi suất tăng đột biến sẽ khó có thể xảy ra trong thời gian tới.

Lãi suất cho vay doanh nghiệp những năm qua tương đối ổn định và duy trì ở mức thấp, phổ biến ở mức 7% – 8%/năm. Qua đó giảm chi phí lãi vay, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

Sự thay đổi về chính sách, luật pháp như Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của ngành và Công ty. Tuy nhiên, rủi ro luật pháp là rủi ro hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành nhựa hiện được coi là một trong những ngành nghề mũi nhọn, được khuyến khích phát triển. Cụ thể, Nhà nước đã có những chính sách tạo thuận lợi cho ngành như:

Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/04/2007 phê duyệt danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007 - 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và một số chính sách khuyến khích phát triển. Theo đó, ngành nhựa nằm trong danh mục các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển.

Quyết định của Bộ Công thương số 2992/QĐ-BCT ngày 17/06/2011 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với các mục tiêu tổng quát:

- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững;
- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao, để ngành Nhựa Việt Nam phát triển ngang tầm với khu vực và trên thế giới.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Nguyên liệu đầu vào

Nguồn nguyên liệu làm bột đá của Công ty là đá vôi trắng CaCO₃ được khai thác trực tiếp từ mỏ đá Lục Yên và Mông Sơn thuộc Tỉnh Yên Bái. Đây là địa phương có nguồn tài nguyên khoáng sản tương đối đa dạng, phong phú về chủng loại với 257 mỏ và điểm mỏ thuộc các nhóm năng lượng, vật liệu xây dựng, khoáng chất công nghiệp, kim loại và nước khoáng... Trong đó, trữ lượng đá vôi trắng trên địa bàn Tỉnh Yên Bái là trên 2,4 tỷ m³ (*Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Yên Bái về việc Ban hành đề án tăng cường bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường Tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 – 2025*²).

Hoạt động khai thác đá chịu ảnh hưởng bởi những thay đổi của điều kiện tự nhiên, biến động về thời tiết: mưa gió, bão, lũ lụt có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động khai thác của các mỏ đá và ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Công ty.

Ngoài ra, hoạt động khai thác khoáng sản chịu sự quản lý chặt chẽ bởi quy định pháp

² <https://yenbai.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/Tintrongtin/Attachments/27061/2183%20QD.pdf>

luật liên quan: Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường ... Điều này góp phần làm tăng giá thành, chi phí sản xuất cho doanh nghiệp khai thác khoáng sản nói chung.

Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản, môi trường. Để giảm giá thành sản xuất, Công ty đã thực hiện các cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại, cụ thể như sau:

- Chất thải thông thường: vận chuyển và xử lý tại công ty xử lý rác thải Nam Thành
- Chất thải nguy hại:
 - Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải: nghiền phân tách, hóa rắn
 - Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải: lắng tách nước, tận dụng làm nguyên liệu đốt
 - Đầu mẫu que hàn: hóa rắn
 - Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại: thiêu đốt
 - Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có linh kiện điện tử: phá dỡ, thu hồi, chất thải phát sinh thiêu hủy trong lò đốt, hóa rắn
 - Các loại sập và mỡ thải: phối trộn thiêu đốt
- Nước thải sản xuất: tuần hoàn không phát sinh ra môi trường.
- Nước thải sinh hoạt: qua các bể phốt và đưa vào rãnh chung của Khu công nghiệp.

3.2 Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Hiện nay, sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang 62 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm các thị trường lớn như Châu Âu, Nhật Bản, Úc, Mỹ, Trung Quốc. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty có thể bị ảnh hưởng nếu các quốc gia tiêu thụ có sự thay đổi về chính sách nhập khẩu. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã và đang thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới khách hàng nhằm đa dạng hóa hơn nữa thị trường tiêu thụ.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán được thực hiện trong giai đoạn thị trường đang có nhiều bất ổn do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên quy mô toàn thế giới, kinh tế biến động, chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu bị tắc nghẽn. Trong điều kiện thị trường như vậy, có khả năng xảy ra rủi ro cổ phiếu không được chào bán hết.

Để giảm thiểu rủi ro này, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. So với mức giá cổ phiếu HII đang giao dịch trên thị trường, Công ty đánh giá mức giá chào bán này có tính khả thi cao.

Trong trường hợp thị trường bất ngờ có diễn biến xấu và đi xuống hoặc trong trường hợp giá cổ phiếu HII giảm xuống dưới vùng giá chào bán khiến các cổ đông có thể không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm thì số lượng cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị Công ty phân phối cho các đối tượng khác với giá phân phối không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

4.2 Rủi ro sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích:

- Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng;...)
- Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa; công cụ dụng cụ; nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải, điện, nước,...); thanh toán lương, lương khuyến khích, bảo hiểm và các khoản phụ cấp cho người lao động.

Việc này có thể xảy ra rủi ro là không thu được tiền hoặc không thu được đủ tiền cần thiết để Trả nợ vay, Bổ sung vốn lưu động nêu trên. Việc trả nợ vay, bổ sung vốn lưu động là những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục, nên có thể xảy ra rủi ro về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty đánh giá rủi ro về khả năng hoạt động liên tục của Công ty khi không thu được đủ vốn thu được là thấp do:

Số tiền huy động trong đợt chào bán lần này là 368,3 tỷ đồng, chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tỷ trọng doanh thu hợp nhất lũy kế đến quý gần nhất (4,46%). Do vậy, trong trường hợp Công ty không thu được đủ số vốn 368,3 tỷ đồng, Công ty có thể sử dụng nguồn vốn tự có (doanh thu, lợi nhuận thu được ...) để bổ sung nguồn tài chính sử dụng cho các mục đích nêu trên.

5. Rủi ro pha loãng

5.1 Mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán

Số cổ phiếu chào bán thêm dự kiến trong đợt này là 36.831.508 cổ phần, tăng thêm 100% so với số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán nhỏ hơn giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền được tính theo công thức:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1+I}$$

Trong đó:

- P: là giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_{t-1} : là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- I: là tỷ lệ vốn tăng

($I =$ *cổ phần phát hành thêm/ cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành*

$I = 36.831.508 / 36.831.508$, hay $I = 1$)

- PR: là giá sẽ bán cho người mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

Giá định:

- Giá đóng cửa của cổ phiếu Công ty tại ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền (P_{t-1}) là 20.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ tăng vốn: $I = 1$
- Giá bán cho người mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới (PR): 10.000 đồng/cổ phiếu

Như vậy, giá tham chiếu cổ phiếu của Công ty trong ngày giao dịch không hưởng quyền (P) sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P = \frac{20.000 + 1 \times 10.000}{1 + 1} = 15.000 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

5.2 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể sẽ bị giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng. Khi đó EPS được điều chỉnh như sau:

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi Công ty đạt kết quả kinh doanh tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

5.3 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

Chỉ số giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

5.4 Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt, chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị.

Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành và chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, dự kiến sau đợt chào bán lần này, vốn điều lệ Công ty dự kiến tăng lên gấp 02 lần, có thể xảy ra rủi ro về quản trị công ty khi quy mô về vốn của Công ty tăng nhanh sau đợt chào bán.

Quy mô về vốn của Công ty tăng nhanh, tuy nhiên việc này nằm trong kế hoạch quản trị về vốn của Công ty nhằm giảm tỷ trọng vay nợ, giảm chi phí lãi vay, tăng lợi nhuận, tăng khả năng thanh toán. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao tình hình thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty, tận dụng tối đa lợi thế về vốn tăng lên nhằm đưa ra các biện pháp quản trị kinh doanh hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của nền kinh tế cũng như Công ty.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Tổ chức phát hành:** Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“HII”)
- 2. Điều lệ:** Điều lệ của Công ty Cổ phần An Tiến Industries đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
- 3. Vốn điều lệ:** là số vốn do tất cả các cổ đông góp
- 4. Cổ phần:** vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- 5. Cổ phiếu:** chứng chỉ do Công ty Cổ phần An Tiến Industries phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định pháp luật: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty/ HII/ An Tiến Industries : Công ty Cổ phần An Tiến Industries
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGĐ : Tổng Giám đốc
- BCTC : Báo cáo tài chính
- GDP : Gross Domestic Product - Tổng sản phẩm nội địa
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- CTCP : Công ty cổ phần

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần An Tiên Industries
- Tên viết tắt : ANTIEN INDUSTRIES., JSC
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài : An Tien Industries Joint Stock Company
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19/08/2021
- Địa chỉ trụ sở chính : Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Số điện thoại : 02163 856 555
- Vốn điều lệ : 368.315.080.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật : Bà Đặng Thị Quỳnh Phương – Tổng Giám đốc
- Mã cổ phiếu : HII
- Sàn niêm yết : HSX
- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất ngành nhựa, ngoại trừ các loại hóa chất mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam không được thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối theo quy định tại các Phụ lục kèm theo Thông tư 34/2013/TT – BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương. - Mua bán, vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa, bao bì các loại	4669
2	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất sản phẩm nhựa (PP, PE)	2220
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
4	Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	47524
5	Tái chế phế liệu	3830
6	Khai thác đá	0810

7	Bán buôn hàng may mặc	46413
8	Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh	47711
9	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa phân được vào đâu Chi tiết: Chế biến đá và các sản phẩm từ đá	2399 (Chính)
10	- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình thiết bị	3320
11	- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ, ngoại trừ các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam không được thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối theo quy định tại các Phụ lục kèm theo Thông tư 34/2013/TT – BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương.	4659
12	- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, ngoại trừ các hàng hóa mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam không được thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối theo quy định tại các Phụ lục kèm theo Thông tư 34/2013/TT – BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương.	4610

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Được thành lập năm 2009, trải qua quá trình hình thành và phát triển, An Tiên Industries đã từng bước khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế. Công ty hiện giữ vị trí số 1 trong bảng xếp hạng FAST500 (500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam) được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty được tóm tắt như sau:

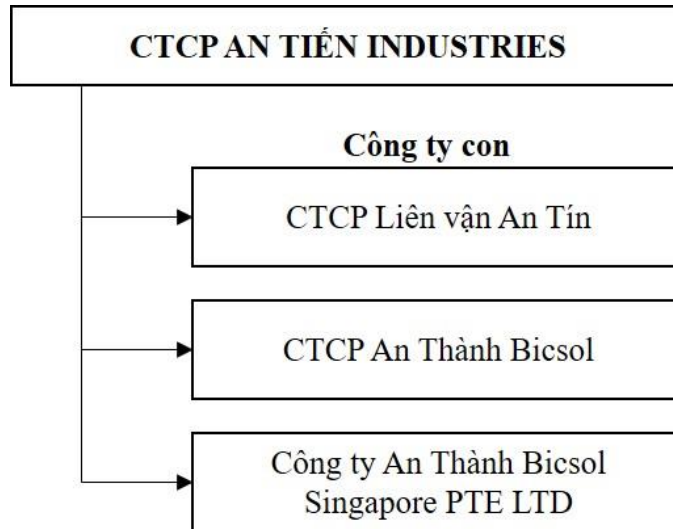
- **Tháng 10/2009:** Thành lập công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái với 4 thành viên sáng lập. UBND tỉnh Yên Bái chấp thuận cho Công ty thuê 40.000 m² đất với thời hạn 50 năm tại Khu công nghiệp phía Nam, Thành phố Yên Bái. Công ty đã tiến hành giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO₃ với công suất 4.800 tấn/năm
- **Tháng 08/2010:** Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu. Công ty chính thức đưa nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO₃ đi vào hoạt động. Sản phẩm được các đối tác trong nước và ngoài nước đón nhận
- **Năm 2011:** Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy lên 10.000 tấn/năm

- **Tháng 01/2013:** Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 86 tỷ đồng. Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy đạt 15.000 tấn/năm
- **Tháng 08/2014:** Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh dự án với công suất sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO₃ đạt 35.000 tấn/năm. Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy đạt 20.000 tấn/năm
- **Tháng 01/2015:** Sau khi tham khảo thị trường Công ty quyết định đầu tư thay đổi dây chuyền công nghệ sản xuất sang hệ thống máy trộn cao tốc 2 nòng trục với ưu điểm là nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vượt trội, các chi phí điện năng tiêu thụ và nhân công thấp hơn so với các dây chuyền cũ.
- **Tháng 04/2016:** Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa công suất lên 35.000 tấn/năm
- **Tháng 08/2016:** Công ty đầu tư dự án nâng công suất nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO₃ lên 150.000 tấn/năm, Dự án xây dựng nhà máy sản xuất Bột đá CaCO₃ công suất 222.000 tấn/năm.
- **Tháng 10/2016:** Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 86 tỷ đồng lên 136 tỷ đồng để mở rộng sản xuất.
- **Tháng 05/2017:** Ngày 11/05/2017, Công ty Cổ phần An Tiên Industries được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng tại công văn số 2615/UBCK – GSĐC ngày 11/05/2017 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.
- **Tháng 06/2017:**
 - An Tiên Industries được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 111/2017/GCNCP-VSD ngày 05/06/2017, số lượng chứng khoán đăng ký: 13.600.000 cổ phiếu.
 - An Tiên Industries được chấp thuận niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 14/06/2017 với mã chứng khoán HII. Cổ phiếu HII chính thức được giao dịch phiên đầu tiên ngày 22/06/2017.
- **Tháng 08/2017:** Công ty khánh thành nhà máy mở rộng sản xuất hạt nhựa phụ gia và sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ với công suất thiết kế tối đa 220.000 tấn/năm.
- **Năm 2018:** Phát hành cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn điều lệ lên 278 tỷ đồng. Đổi tên thành CTCP An Tiên Industries, thay đổi bộ nhận diện thương hiệu.
- **Năm 2019:** lọt vào Top 5/500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, theo bảng xếp hạng FAST500 do Vietnam Report và báo Vietnamnet phối hợp thực hiện. Công ty cũng vinh dự nhận Cờ thi đua của Chính phủ dành cho Tập thể có thành tích hoàn thành xuất sắc.
- **Năm 2021:** tiếp tục duy trì vị trí doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, giữ vị trí 1/500 trong bảng xếp hạng FAST500 được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hiện hành, Điều lệ tổ chức hoạt động và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay gồm các công ty con cụ thể như sau:

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty

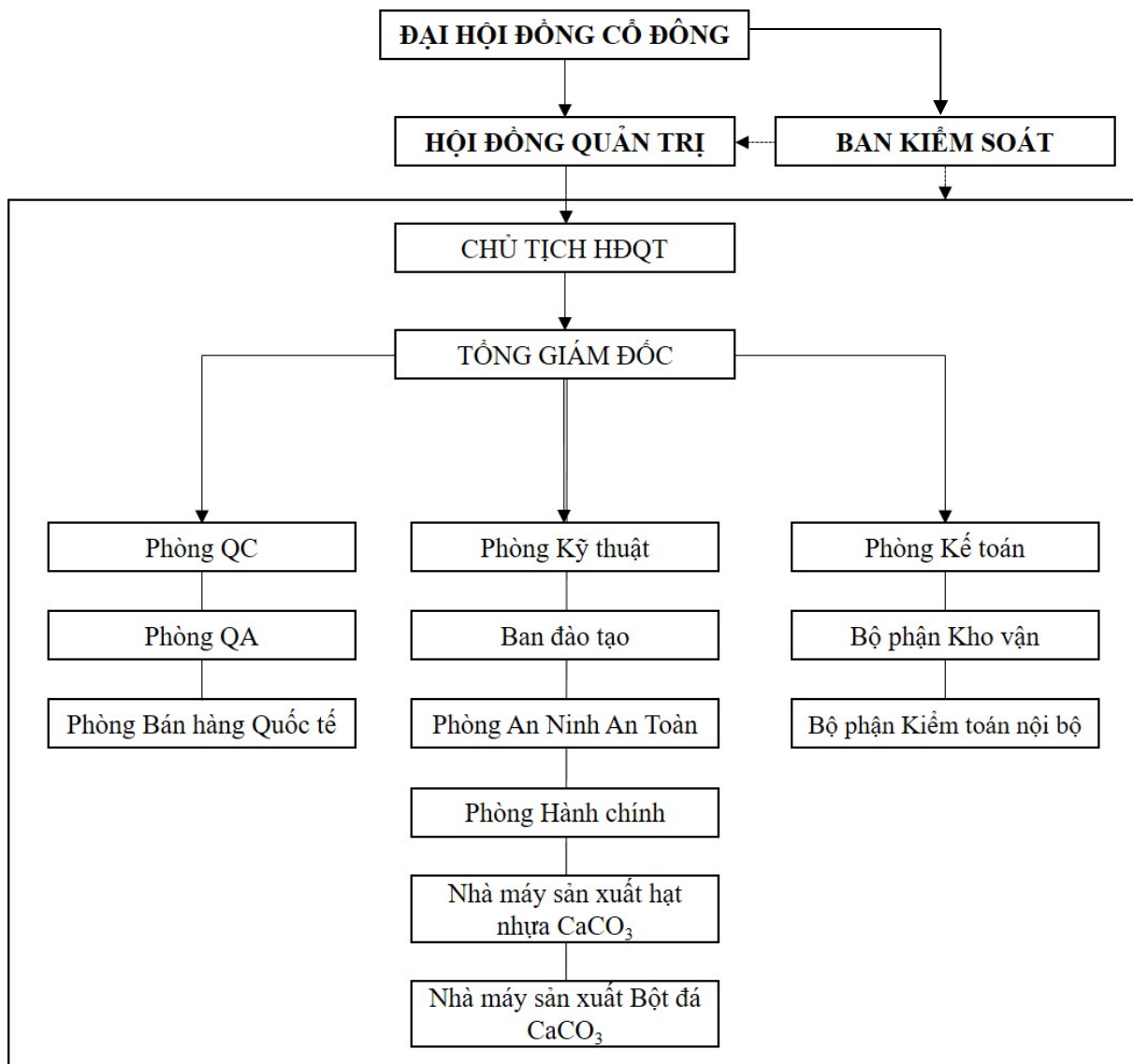


Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty đang áp dụng mô hình tổ chức của Công ty cổ phần, mô hình này được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển của Công ty, tuân thủ quy định pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty. Trải qua quá trình phát triển, cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty như sau:

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Hình 4: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý


Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

4.1 Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có các quyền sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm; miễn nhiệm; cách chức; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc tài chính;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.4 Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.5 Chức năng các phòng ban

Có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

a) Phòng Kế toán

Phòng Kế toán thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Kế toán trưởng là người trực tiếp giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Phòng Kế toán thực hiện các công việc sau:

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng;
- Quản lý, sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng;
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế;
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước;
- Xử lý công nợ; Thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Trung tâm kinh doanh của Công ty để có kế hoạch tiêu thụ;
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán; pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước.

b) Phòng Hành chính

Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng và sử dụng lao động trong Công ty, quản lý các công việc hành chính hàng ngày của Công ty. Thực hiện tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và các bộ phận khác về việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động, xây dựng nội quy, quy chế của Công ty. Phòng Hành chính có nhiệm vụ:

- Lập danh sách người lao động trong Công ty; giúp Giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, sử dụng lao động trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đề nghị nâng lương, nâng bậc hàng năm cho cán bộ công nhân viên;
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế Công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên Công ty;
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động an toàn thực phẩm;
- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của Công ty.

c) Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC)

Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn. Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm có nhiệm vụ sau:

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ;
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: Nguyên liệu, phế liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; Hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu.

d) Phòng QA

Phòng QA có nhiệm vụ nghiên cứu các yêu cầu của khách hàng, sản phẩm mới của thị trường từ đó cải tiến các sản phẩm, phát triển sản phẩm mới nhằm đưa ra những sản phẩm tốt nhất đến khách hàng.

e) Phòng Kỹ thuật

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về vấn đề kỹ thuật trong sản xuất. Chịu trách nhiệm về tình trạng hoạt động bình thường của các dây chuyền sản xuất và các vấn đề khác về kỹ thuật tại nhà máy. Phòng Kỹ thuật có nhiệm vụ sau:

- Căn cứ vào hợp đồng đã được ký kết hoặc yêu cầu của Công ty để tiến hành thiết kế kỹ thuật, lập quy trình công nghệ, phiếu công nghệ cho các sản phẩm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật mà khách hàng yêu cầu, dự trù chủng loại vật tư, định mức lao động cần thiết để sản xuất sản phẩm;
- Theo dõi quản lý toàn bộ trang thiết bị của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức công tác sửa chữa thiết bị theo chu kỳ hoặc đột xuất, duy trì thời gian hoạt động thường xuyên của thiết bị;
- Thường xuyên kiểm tra tình hình an toàn lao động, có quyền ngừng sản xuất khi phát hiện trang thiết bị hư hỏng ảnh hưởng đến tính mạng của người công nhân. Chịu trách nhiệm về vật chất đối với những hư hỏng về thiết bị do nguyên nhân chủ quan, lơ là, không kiểm tra gây thiệt hại vật chất, tính mạng người lao động;

f) Phòng An Ninh An Toàn

Là bộ phận được giao bảo vệ tất cả các loại tài sản và bảo vệ trật tự an ninh của Công ty; bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản của cán bộ, công nhân viên của Công ty khi bị xâm phạm trong khu vực Công ty.

g) Ban đào tạo

Ban đào tạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo cán bộ công nhân viên.

h) Phòng bán hàng quốc tế

Phòng bán hàng quốc tế chịu trách nhiệm tìm kiếm các khách hàng quốc tế, đối tác, thị trường tiêu thụ để thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu ban Tổng Giám đốc đưa ra. Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các công tác liên quan đến sản xuất kinh doanh.

i) Bộ phận kho vận

Là bộ phận phụ trách việc nhập xuất hàng hóa tại kho của Công ty.

j) Bộ phận kiểm toán nội bộ

Bộ phận kiểm toán nội bộ là đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Công ty, chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành Hội đồng quản trị; Ban Tổng Giám đốc.

Ban kiểm toán nội bộ có vai trò:

- Kiểm tra, đánh giá, phân tích báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện kịp thời các yếu kém, tồn tại, các sai phạm; các rủi ro hoặc các nguy cơ thất thoát tài sản; báo cáo kịp thời và tham vấn cho HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty để có hướng khắc phục kịp thời.
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định nội bộ của các Ban trong Công ty, Công ty thành viên.
- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động tuân thủ, kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ Công ty.

h) Các nhà máy sản xuất

Các nhà máy sản xuất của Công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và các kế hoạch cụ thể của Công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập về chi phí sản xuất và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các tổ sản xuất, Hành chính, Kế toán, QC, Kỹ thuật, Kho vận, An ninh an toàn. Hiện các Nhà máy do Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0800373586 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 27/09/2021
- Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh tại Công ty: 50,51% (tính đến thời điểm hiện tại)
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh tại Công ty: 50,51% (tính đến thời điểm hiện tại)

5.2 Thông tin về công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

a. An Thanh Bicsol Singapore PTE, Ltd

- Tên Công ty : An Thanh Bicsol Singapore PTE, Ltd
- Địa chỉ : Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore
- Vốn điều lệ : 100 SGD và 667.675 USD
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 201720061M
- Hoạt động kinh doanh chính : Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS
- Tỷ lệ lợi ích của HII : 100% (tính đến thời điểm hiện tại)
- Tỷ lệ biểu quyết của HII : 100% (tính đến thời điểm hiện tại)

b. Công ty cổ phần An Thành Bicol

- Tên Công ty : Công ty cổ phần An Thành Bicol
- Địa chỉ : Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 159.400.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0801208793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 22/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/04/2019
- Hoạt động kinh doanh : Kinh doanh hạt nhựa

chính

- Tỷ lệ lợi ích của HII : 69,26% (tính đến thời điểm hiện tại)
- Tỷ lệ biểu quyết của HII : 69,26% (tính đến thời điểm hiện tại)

c. Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín
- Địa chỉ : Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0801177672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 16/03/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/09/2020
- Hoạt động kinh doanh chính : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (tại thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán nêu ngành nghề kinh doanh chính là vận tải hàng hóa bằng đường ven biển và viễn dương là không đúng, đây là lỗi đánh máy trong quá trình soạn thảo Báo cáo tài chính riêng năm 2020)
- Tỷ lệ lợi ích của HII : 99% (tính đến thời điểm hiện tại)
- Tỷ lệ biểu quyết của HII : 99% (tính đến thời điểm hiện tại)

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Ngày 01/10/2009, Công ty Cổ phần An Tiến Industries được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 40.000.000.000 đồng.

Từ khi thành lập đến nay công ty đã thực hiện 06 lần tăng vốn, số vốn điều lệ hiện nay là 368.315.080.000 đồng. Chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

6.1 Tăng vốn lần 1: từ 40 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 40 tỷ đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 80 tỷ đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 4.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 04 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 4 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Nghị quyết số 0503/2010/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 03 năm 2010
 - Đăng ký doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13/8/2010.
- Chi tiết đợt phát hành:

Hình thức phát hành	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
Số lượng đăng ký phát hành	: 4.000.000 cổ phần
Giá phát hành	: 10.000 VND/cổ phần
Tỷ lệ phát hành	: 1:1
Thời gian nộp tiền mua cổ phần	: Từ ngày 15/03/2010 – 08/08/2010
Ngày hoàn thành đợt phát hành	: 08/08/2010
Số lượng cổ phần được phân phối	: 4.000.000 cổ phần
Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	: Không hạn chế chuyển nhượng
Số lượng cổ đông trước đợt phát hành	: 4 cổ đông
Số lượng cổ đông sau đợt phát hành	: 4 cổ đông

6.2 Tăng vốn lần 2: tăng vốn từ 80 tỷ đồng lên 86 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 80 tỷ đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 86 tỷ đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 600.000 cổ phần
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 4 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 17 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Nghị quyết ĐHCĐ 1503/2011/NQĐHĐ-AP ngày 15/03/2011;
 - Đăng ký doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/4/2011.
- Chi tiết đợt phát hành:

Hình thức phát hành	Phát hành riêng lẻ
Số lượng đăng ký phát hành	: 600.000 cổ phần
Giá phát hành	: 10.000 VND/cổ phần
Thời gian nộp tiền mua cổ phần	: Từ 23/03/2011 đến 10/04/2011
Ngày hoàn thành đợt phát hành	: 10/04/2011
Số lượng cổ phần được phân phối	: 600.000 cổ phần
Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	: Không hạn chế chuyển nhượng
Số lượng cổ đông trước đợt phát hành	: 04 cổ đông
Số lượng nhà đầu tư tham gia mua cổ phần	: 13 nhà đầu tư
Số lượng cổ đông sau đợt phát hành	: 17 cổ đông

6.3 Tăng vốn lần 3: tăng vốn từ 86 tỷ đồng lên 136 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 86 tỷ đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 136 tỷ đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 5.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 17 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 24 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1110/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2016
 - Đăng ký doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016.
- Chi tiết đợt phát hành:

Hình thức phát hành	Phát hành riêng lẻ
Số lượng đăng ký phát hành	: 5.000.000 cổ phần
Giá phát hành	: 10.000 VND/cổ phần
Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	: Từ 19/01/2017 đến 21/02/2017
Ngày hoàn thành phát hành	: 21/02/2017
Số lượng cổ phần được phân phối	: 5.000.000 cổ phần
Thời gian hạn chế chuyển nhượng	: Không hạn chế
Số lượng cổ đông trước đợt phát hành	: 17 cổ đông
Số lượng nhà đầu tư được phát hành	: 6 nhà đầu tư
Số lượng cổ đông sau đợt phát hành	: 23 cổ đông

6.4 Tăng vốn lần 4: tăng vốn từ 136 tỷ đồng lên 278,5 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 136 tỷ đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 278,5 tỷ đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 14.250.000 cổ phần. Trong đó:
 - Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 13.600.000 cổ phần
 - Phát hành cổ phiếu ESOP: 650.000
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 359 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 372 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 1202/2018/NQ – ĐHĐCĐ ngày 12/02/2018
 - Đăng ký doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/06/2018.
- Chi tiết đợt phát hành:

Hình thức phát hành	Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
Số lượng đăng ký phát hành	: 13.600.000 cổ phần
Tỷ lệ phân bổ quyền	: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận thêm 1 cổ phiếu)
Giá phát hành	: 14.000 VND/cổ phần
Ngày chốt danh sách cổ đông	: 04/05/2018
Thời hạn đăng ký mua	: Từ 10/05/2018 đến 24/05/2018
Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần	: Từ 10/05/2018 đến 31/05/2018
Ngày hoàn thành việc phát hành	: 31/05/2018
Số lượng cổ phần được phân phối	: 13.600.000 cổ phần
Số lượng cổ đông được phân phối	: 361 cổ đông

Hình thức phát hành	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty
Số lượng đăng ký phát hành	: 650.000 cổ phiếu
Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Ngày hoàn thành đợt phát hành	: 31/05/2018
Số cổ phiếu đã phân phối	: 650.000 cổ phiếu
Số người lao động được phân phối	: 11 người

6.5 Tăng vốn lần 5: tăng vốn từ 278,5 tỷ đồng lên 320,275 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 278,5 tỷ đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 320,275 tỷ đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 4.177.500 cổ phần
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 406 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 406 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Cơ sở pháp lý của đợt phát hành:
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 200301/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/03/2020;

- Đăng ký doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/10/2020.
- Chi tiết đợt phát hành:

Hình thức phát hành	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
Số lượng đăng ký phát hành	: 4.177.500 cổ phần
Tỷ lệ phân bổ quyền	100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 15 cổ phiếu mới)
Ngày chốt danh sách cổ đông	: Ngày 15/10/2020
Số lượng cổ phần được phân phối	: 4.177.500 cổ phần
Số lượng cổ đông được phân phối	: 406 cổ đông

6.6 Tăng vốn lần 6: tăng vốn từ 320.275.000.000 đồng lên 368.315.080.000 đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 320.275.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 368.315.080.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 4.804.008 cổ phần
 - Số lượng cổ đông trước phát hành: 650 cổ đông
 - Số lượng cổ đông sau phát hành: 650 cổ đông
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
 - Cơ sở pháp lý của đợt phát hành:
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 280401/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021;
 - Đăng ký doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19/08/2021.
- Chi tiết đợt phát hành:

Hình thức phát hành	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	: 4.804.125 cổ phần
Tỷ lệ phân bổ quyền	: 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 15 cổ phiếu)
Ngày chốt danh sách cổ đông	: 26/07/2021
Ngày hoàn thành việc phát hành	: 26/07/2021
Số lượng cổ phần được phân bổ	: 4.804.008 cổ phần
Số lượng cổ đông được phát hành	: 650 cổ đông

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

7.1. Thông tin về các khoản góp vốn lớn của Tổ chức phát hành

Từ năm 2019 đến nay, Công ty không có các khoản góp vốn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện.

7.2. Thông tin về các khoản thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành

Từ năm 2019 đến nay, Công ty không có bất cứ một khoản thoái vốn nào.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Đến nay, Công ty đã phát hành 36.831.508 cổ phiếu phổ thông, chi tiết như sau:

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/10/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Trong nước	2.517	36.622.039	99,43%
1	Tổ chức	23	24.015.118	65,20%
2	Cá nhân	2.494	12.606.921	34,23%
II	Nước ngoài	31	209.469	0,57%
1	Tổ chức	9	130.406	0,35%
2	Cá nhân	22	79.063	0,22%
III	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
	Tổng cộng	2.548	36.831.508	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 50%.

9.2 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không quy định

9.3 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại.

Căn cứ danh sách cổ đông gần nhất tại ngày 11/10/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0,57% vốn điều lệ.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

a) Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ

áp dụng

Sản phẩm chính của Công ty là hạt phụ gia ngành nhựa và bột đá CaCO_3 siêu mịn. Sản phẩm đã được xuất khẩu sang 62 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm các thị trường lớn như Châu Âu, Nhật Bản, Úc, Mỹ, Trung Quốc. Chi tiết các sản phẩm Công ty cung cấp như sau:

(1) Hạt phụ gia ngành nhựa Calbest (Ancal): còn được gọi là chất độn nhựa, được ứng dụng làm phụ gia trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành trong sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm.... trong đó:

Hạt phụ gia PP:

Hạt phụ gia PP được sản xuất trên nhựa nền PP, chứa 75%-85% bột đá CaCO_3 và các phụ gia thích hợp khác. Hạt phụ gia PP có màu trắng tự nhiên và có độ phân tán cao. Sử dụng hạt phụ gia PP là giải pháp hiệu quả nhất trong việc giảm chi phí sản xuất cũng như nâng cao các tính năng bề mặt, độ cứng, độ bền, tính chất vật lý và hóa học của sản phẩm.

Ứng dụng: thổi màng PP; Sản xuất vải không dệt PP; Kéo sợi dệt bao PP 25kg, bao Jumbo; Ép phun, ép đùn..

Hình 5: Hạt phụ gia PP



Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Hạt phụ gia PE:

Hạt phụ gia PE được sản xuất từ bột đá CaCO_3 trên nền nhựa PE và các chất phụ gia thích hợp khác. Hạt phụ gia PE góp phần giảm chi phí sản xuất, cải thiện khả năng chịu nhiệt, chống trơn trượt, ổn định kích thước và khả năng in. Ngoài ra, hạt phụ gia PE cũng làm giảm sự giải phóng nhiệt từ quá trình đốt cháy và do đó nó ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

Ứng dụng: thổi túi; thổi film; tráng PE; sản xuất các sản phẩm khuôn nhựa PE, HDPE.

Hình 6: Hạt phụ gia PE

Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Hạt phụ gia sinh học tự hủy hoàn toàn (Bio compound):

Compound sinh học phân hủy hoàn toàn được làm từ các vật liệu, chất dẻo có khả năng phân hủy hoàn toàn bởi vi sinh vật thành nước, khí CO₂, mùn hữu cơ trong môi trường tự nhiên hoặc công nghiệp và không gây hại đến môi trường xung quanh.

Ứng dụng sản phẩm: Sản xuất hộp đựng thức ăn, dao thìa đĩa; Sản xuất dây tóc bóng đèn 3D; Sử dụng trong các quá trình tráng phủ, ép phun (ví dụ: các đồ dùng đánh bắt cá), sản xuất các sản phẩm dùng một lần; Sản xuất tấm, màng sợi (ví dụ: lưới đánh cá); Sản xuất các loại loại màng và film.

Hình 7: Hạt phụ gia sinh học tự hủy hoàn toàn

Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

(2) Bột đá CaCO₃

Bột đá CaCO₃ siêu mịn được sản xuất từ đá vôi trắng, được ứng dụng trong nhiều ngành công nghiệp như:

- Ngành nhựa: dây cáp, ống nhựa, chất độn nhựa, màng phim,...
- Ngành công nghiệp sơn
- Ngành công nghiệp giấy
- Ngành công nghiệp xây dựng: sơn, gạch, bê tông,.

Hình 8: Bột đá CaCO_3



Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

(3) Hạt độn màu:

Được sử dụng rộng rãi trong quá trình sản xuất các sản phẩm polyolefin như: Sợi (thảm, dệt may, vải ni...); màng phim (túi nhựa, phim đa lớp...); gia công đùn (Sheet, Pipe, Wire & Cable, v.v.); thổi khuôn (y tế & mỹ phẩm, sơn...); Injection Molding (ô tô, điện tử, xây dựng, đồ gia dụng...)

Hình 9: Hạt độn màu



Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

(4) Hạt nhựa kỹ thuật Compound

Hạt nhựa kỹ thuật được sản xuất từ nhựa nguyên sinh, chất tạo màu, và các loại phụ gia theo tỉ lệ nhất định đáp ứng nhu cầu sản xuất của khách hàng. Với sản phẩm này, nhà sản xuất có thể sử dụng trực tiếp trong quy trình mà không cần thêm bất kỳ loại phụ gia nào khác.

Ứng dụng sản phẩm: sản xuất sản phẩm dân dụng: nồi cơm điện, bồn cầu, ổ cắm điện,...; sản xuất dây cáp viễn thông; sản xuất linh kiện xe máy/ô tô.

Hình 10: Hạt nhựa kỹ thuật Compound



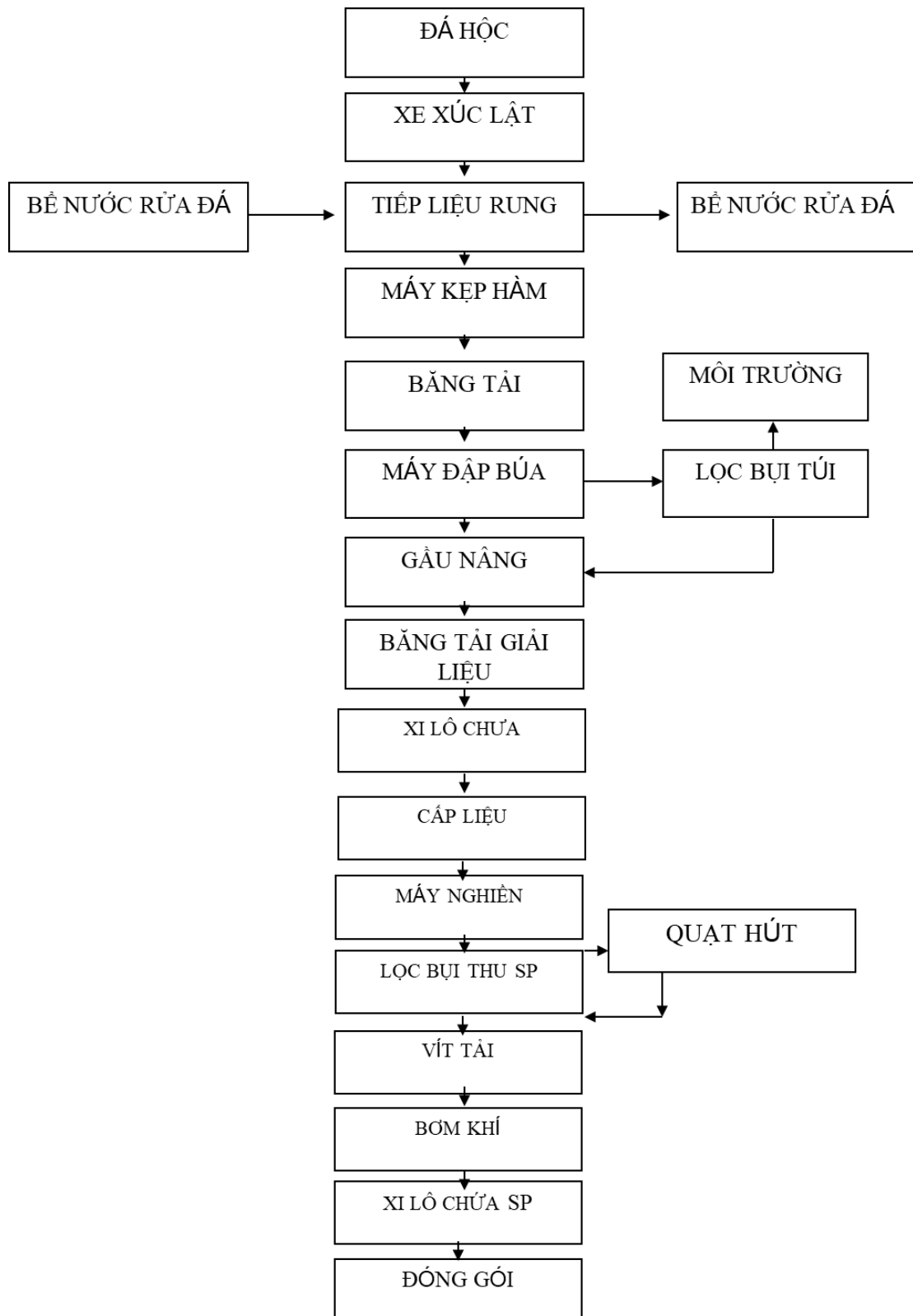
Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Mô tả quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng:

Quy trình sản xuất bột đá CaCo₃

Đá hộc có kích thước từ 150-400mm có độ trắng sáng từ 97%, hàm lượng CaCo₃ từ 98% trở lên, không lẫn tạp chất được vận chuyển từ khu chứa nguyên liệu đến máy tiếp liệu rung. Tại máy tiếp liệu rung, đá được rửa sạch. Nước dùng để rửa đá được thu gom và bể lắng và tuần hoàn tái sử dụng. Đá từ tiếp liệu rung được chuyển vào kẹp hàm, tại đây đá sẽ được kẹp hàm nghiền từ 400mm xuống còn kích thước 60 – 120 mm. Thông qua băng tải, đá được chuyển tiếp vào các máy đập búa để tiếp tục nghiền nhỏ xuống 1-10mm.

Đá từ máy đập búa được chuyển sang gầu nâng chuyển lên cao và đổ vào các băng tải rải liệu. Tại băng tải rải liệu đá được vận chuyển vào các silo chứa. Đá có kích thước từ 1-10mm sau khi đi vào máy nghiền sẽ được nghiền nhỏ xuống còn 0,1 micron đến 40 micron.

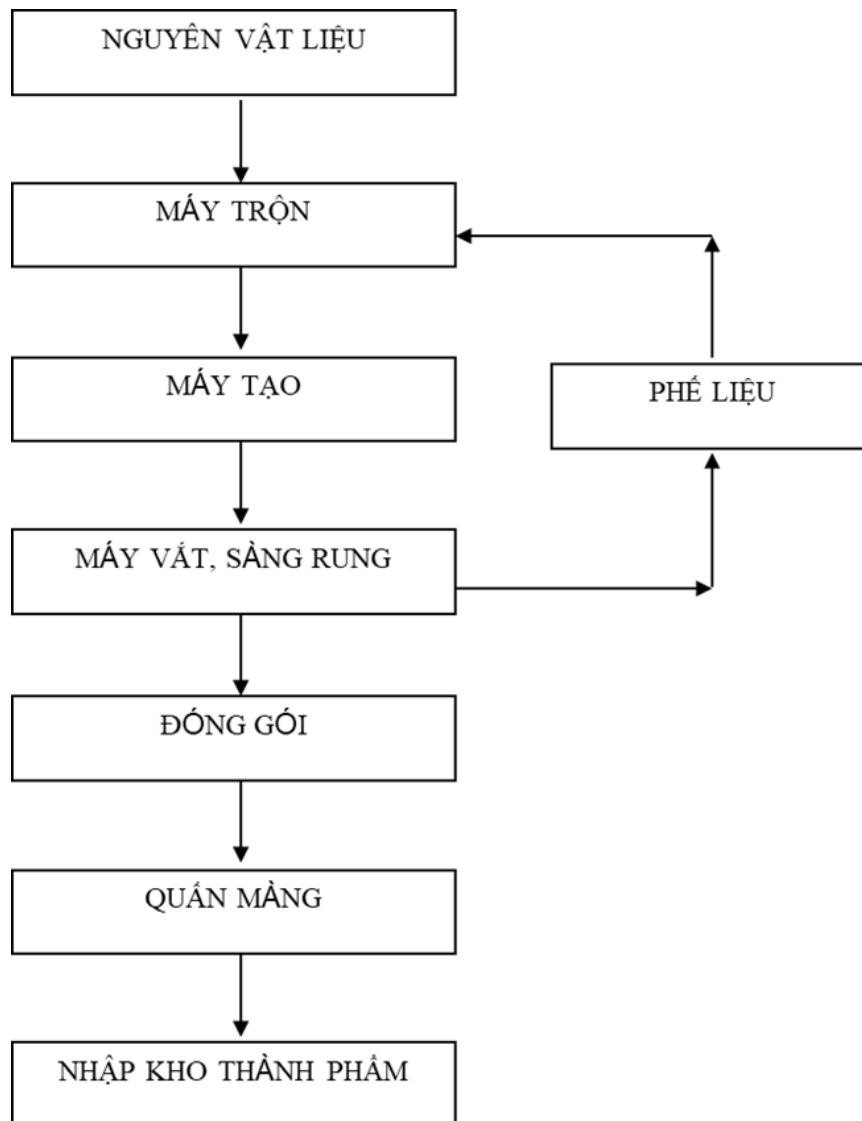
Hình 11: Quy trình sản xuất bột đá


Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Đá sau khi qua máy nghiền được quạt hút đẩy sang khu vực túi lọc bụi, tại đây, túi lọc bụi sẽ lọc các sản phẩm cần giữ lại. Vít tải có nhiệm vụ đưa sản phẩm từ túi lọc sang bơm khí, bơm khí bơm lên các silo chứa sản phẩm và chờ đóng gói. Căn cứ trên yêu cầu của khách hàng, đơn hàng sẽ được đóng gói cho phù hợp.

Quy trình sản xuất hạt nhựa phụ gia

Hình 12: Quy trình sản xuất hạt nhựa phụ gia



Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Nguyên vật liệu được chuẩn bị theo công thức và khối lượng được tính toán theo kế hoạch sản xuất sẽ được đưa vào máy trộn để phối trộn đều. Sau khi nguyên liệu được xả từ máy trộn xuống thùng liệu trung gian, công nhân vận hành máy tạo sẽ tiến hành tời liệu lên phễu chờ liệu.

Nguyên liệu sau quá trình đùn ép tại máy tạo sẽ tạo thành sản phẩm và được làm mát bằng nước tại khâu cuối cùng, đó sẽ được đưa qua máy vớt để đảm bảo vớt sạch nước ra khỏi sản phẩm. Sản phẩm tiếp tục được đưa chạy qua sàng rung, tại đây những hạt có kích thước quá nhỏ hoặc quá lớn sẽ được sàng rung loại bỏ và được coi là phế liệu. Phế này sẽ được thu gom riêng và đưa quay đầu lại máy trộn để trộn lại và tiếp tục đùn ra sản phẩm mới.

Các hạt đạt kích thước sẽ được đưa vào các silo chứa sản phẩm trung gian để tiếp tục giải bớt nhiệt. Sau khi đã nguội, sản phẩm sẽ được đóng gói theo đúng tiêu chí về trọng lượng, bao bì, nhãn mác. Các palet hàng tiếp tục được quản màng, dán nhãn và nhập kho.

b) Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh;

Công ty hoạt động trong ngành nhựa, với sản phẩm chính là hạt phụ gia ngành nhựa và bột đá. Sản phẩm Công ty cung cấp được ứng dụng trong nhiều ngành công nghiệp và được ứng dụng và sử dụng rộng rãi trong đời sống. Sản phẩm không có tính thời vụ như một số sản phẩm đặc thù khác, điều này được thể hiện qua kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty các năm qua.

c) Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

(1) Doanh thu công ty mẹ, hợp nhất các năm:

Bảng 2: Doanh thu công ty mẹ các năm

DVT: triệu đồng

STT	Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán thành phẩm	665.729	98,2%	606.619	95,4%	681.639	98,28%
2	Doanh thu bán hàng hóa	12.175	1,8%	28.902	4,5%	11.592	1,67%
3	Doanh thu dịch vụ	-	-	63	0,1%	327	0,05%
	Tổng cộng	677.904	100%	635.584	100%	693.558	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 3: Doanh thu hợp nhất các năm

DVT: triệu đồng

STT	Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng hóa	3.877.283	83,5%	3.347.016	81,8%	7.023.660	84,9%
2	Doanh thu bán thành phẩm	635.048	13,7%	603.529	14,8%	680.872	8,2%
3	Doanh thu dịch vụ	129.693	2,7%	140.252	3,4%	569.553	6,9%
4	Doanh thu khác	236	0,1%	-	-		
	Tổng cộng	4.642.260	100%	4.090.797	100%	8.274.085	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

(2) Lợi nhuận gộp công ty mẹ, hợp nhất các năm:

Bảng 4: Lợi nhuận gộp công ty mẹ các năm

DVT: triệu đồng

STT	Lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	124.196	99,8%	136.501	99,85%	188.462	99,52%
2	Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	242	0,2%	134	0,10%	582	0,31%
3	Lợi nhuận gộp dịch vụ	-	-	63	0,05%	327	0,17%
	Tổng cộng	124.438	100%	136.698	100%	189.371	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 5: Lợi nhuận gộp hợp nhất các năm

DVT: triệu đồng

STT	Lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	86.043	36,0%	116.941	42,5%	306.247	58,78%
2	Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	127.435	53,3%	137.504	50,0%	190.344	36,54%
3	Lợi nhuận gộp dịch vụ	25.292	10,6%	20.664	7,5%	24.376	4,68%
4	Lợi nhuận gộp khác	160	0,1%	-	-		
	Tổng cộng	238.930	100%	275.108	100%	520.967	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

Đại dịch covid-19 tác động tới nền kinh tế toàn cầu khiến giao thương bị ngưng trệ, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng khó khăn. Trong bối cảnh chung đó, An Tiến Industries vẫn tự mình vượt khó bằng cách tái cấu trúc doanh nghiệp, tìm kiếm thị trường mới và đẩy mạnh xuất khẩu.

Doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.083 tỷ, giảm 12% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó, mảng thương mại đóng góp 3.347 tỷ (giảm 14% so với cùng kỳ), mảng sản xuất đóng góp 604 tỷ (giảm 5% so với cùng kỳ). Dịch Covid-19 không ảnh hưởng nhiều đến sản lượng sản xuất và thương mại, trong đó sản lượng sản xuất CaCO₃ và Filler đạt 103

nghìn tấn, tăng 8% so với cùng kỳ, song doanh thu giảm là do giá nguyên liệu nhựa thế giới giảm mạnh trong nửa đầu năm 2020.

Biên lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể từ 2,5% năm 2019 lên 3,7% đối với mảng thương mại và từ 20,1% lên 22,8% năm 2020 đối với mảng sản xuất. Trong năm 2020, Công ty đã chủ động tiết kiệm chi phí sản xuất, đặc biệt mảng thương mại áp dụng chính sách mới, nhập hàng khi có đơn đặt hàng, giảm hàng tồn kho, cùng với đẩy mạnh xuất khẩu khiến biên lợi nhuận gộp tăng mạnh.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 53 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ năm 2019, hoàn thành 88,3% kế hoạch năm. Mức giảm về lợi nhuận sau thuế này chủ yếu do trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 11,7 tỷ trong năm 2020.

Năm 2021, doanh thu Công ty mẹ, hợp nhất lần lượt đạt 693,6 tỷ đồng và 8.274 tỷ đồng tương ứng tăng trưởng 9,12% và 102,26% so với cùng kỳ, với kết quả này năm 2021 doanh thu hợp nhất hoàn thành vượt 106,85% kế hoạch kinh doanh năm 2021. Trong đó, doanh thu hợp nhất tăng trưởng mạnh chủ yếu do hoạt động bán hàng hóa tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ.

(3) Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 6: Sản lượng sản phẩm, tỷ lệ trong doanh thu

Đơn vị: tấn, tỷ đồng

Loại	2019			2020			2021		
	Sản lượng	Doanh thu	Tỷ trọng	Sản lượng	Doanh thu	Tỷ trọng	Sản lượng	Doanh thu	Tỷ trọng
Sản xuất	95.726	666	98,2%	103.094	607	95,4%	89.764	680	98,3%
Thương mại		12	1,8%		28	4,5%		12	1,7%
Dịch vụ		-	-		0,063	0,1%		0,3	0,04%

Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiên Industries

Bảng 7: Sản lượng sản phẩm, tỷ lệ trong lợi nhuận gộp

Đơn vị: tấn, tỷ đồng

Loại	2019			2020			2021		
	Sản lượng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Sản lượng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Sản lượng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng
Sản xuất	95.726	124	99,8%	103.094	137	99,85%	89.764	188	99,52%
Thương mại		0,2	0,2%		0,1	0,10%		0,6	0,31%
Dịch vụ		-	-		0,06	0,05%		0,3	0,17%

Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiên Industries

10.2 Tài sản

Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2021:

Bảng 8: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	392.348	147.318	245.030
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	148.858	35.876	112.983
2	Máy móc, thiết bị	209.210	94.331	114.879
3	Phương tiện vận tải	24.596	13.360	11.236
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.459	2.637	2.822
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	3.960	903	3.057
6	Tài sản khác	265	211	54
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	16.097	3.442	12.655

Nguồn: BCTC riêng Q4/2021 tự lập

Bảng 9: Tài sản cố định hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021

Đơn vị: đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	522.093	204.597	317.496
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	170.454	39.431	131.024
2	Máy móc, thiết bị	209.449	94.437	115.013
3	Phương tiện vận tải	131.260	66.332	64.929
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.705	3.285	3.420
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	3.960	903	3.057
6	Tài sản khác	265	211	54
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	16.756	3.682	13.074

(Nguồn: BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

Bảng 10: Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/12/2021

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
1	Khu công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái	40.279	Giao	38 năm	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá CaCo ₃ và Nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCo ₃

(Nguồn: Công ty cổ phần An Tiến Industries)

10.3 Thị trường hoạt động

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ theo thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (tỷ đồng)	% Doanh thu	Giá trị (tỷ đồng)	% Doanh thu	Giá trị (tỷ đồng)	% Doanh thu
Trong nước	192,52	28%	151,79	24%	62,48	9%
Nước ngoài	484,94	72%	482,65	76%	629,12	91%

(Nguồn: Công ty cổ phần An Tiến Industries)

Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ theo thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (tỷ đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (tỷ đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (tỷ đồng)	% Lợi nhuận
Trong nước	30,11	24%	22,22	16%	10,8	6%
Nước ngoài	94,32	76%	114,48	84%	178,57	94%

(Nguồn: Công ty cổ phần An Tiến Industries)

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

a) Tình hình đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị

Công ty đã đầu tư hai nhà máy là Nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO₃ với diện tích 8.400 m² và Nhà máy sản xuất Bột đá CaCO₃ siêu mịn có diện tích 19.000m². Nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia đi vào hoạt động năm 2010 và nhà máy bột đá đi vào hoạt động năm 2017. Các nhà máy đều được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại, đưa ra thị trường những sản phẩm chất lượng cao được xuất khẩu đến hơn 60 quốc gia trên thế giới ...

Đặc biệt với việc nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ đi vào hoạt động, HII đã tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào với giá thành rẻ hơn bởi nguyên liệu đầu vào

phục vụ cho sản xuất hạt nhựa phụ gia chiếm tới 80% là bột đá CaCO₃. Nhà máy bột đá hiện đang sử dụng nguồn nguyên vật liệu từ mỏ đá Mông Sơn và Lục Yên thuộc Tỉnh Yên Bái. Đây là địa phương có nguồn tài nguyên khoáng sản tương đối đa dạng, phong phú về chủng loại với 257 mỏ và điểm mỏ thuộc các nhóm năng lượng, vật liệu xây dựng, khoáng chất công nghiệp, kim loại và nước khoáng... Trong đó, trữ lượng đá vôi trắng trên địa bàn Tỉnh Yên Bái là trên 2,4 tỷ m³ (*Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Yên Bái về việc Ban hành đề án tăng cường bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường Tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 – 2025³*).

Bảng 13: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	392.348	147.318	245.030
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	148.858	35.876	112.983
2	Máy móc, thiết bị	209.210	94.331	114.879
3	Phương tiện vận tải	24.596	13.360	11.236
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.459	2.637	2.822
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	3.960	903	3.057
6	Tài sản khác	265	211	54
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	16.097	3.442	12.655

Nguồn: BCTC riêng Q4/2021 tự lập

b) Các khoản đầu tư tài chính

Tính đến 31/12/2021 báo cáo tài chính của Công ty ghi nhận đã đầu tư 198.461.837.450 đồng vào các công ty con như sau:

Bảng 14: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty

DVT: đồng

	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con		198.461.837.450	198.461.837.450
Công ty cổ phần Liên vận An Tín	70,00%	72.850.000.000	72.850.000.000
Công ty cổ phần An Thành Bicsol	69,26%	110.400.000.000	110.400.000.000
Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD	100%	15.211.837.450	15.211.837.450

(Nguồn: BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

³ <https://yenbai.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/Tintrongtin/Attachments/27061/2183%20QD.pdf>

10.5 Các hợp đồng lớn
Bảng 15: Các hợp đồng lớn

STT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
I	Hợp đồng bán ra						
1	01/HĐNT/ HII-KT	2.500.000.000	01/01/2019	Năm 2019	Hạt phụ gia Taical	Công ty TNHH Khải Thừa Việt Nam	Không
2	01/HĐNT/ HII-AC	5.500.000.000	01/01/2019	Năm 2019	Hạt phụ gia Taical	Công ty cổ phần Nhựa A&C chi nhánh tại Bắc Ninh	Không
3	01/HĐNT/ HII-NVN	3.000.000.000	01/01/2019	Năm 2019	Bột đá	Công ty TNHH TM và XNK Nhựa VN	Không
4	01/HĐNT/ HII-AL	3.700.000.000	01/01/2019	Năm 2019	Hạt phụ gia Taical	Công Ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ Thuật Nhựa Âu Lạc	Không
5	01/HĐNT /HII-AL	2.700.000.000	01/01/2019	Năm 2019	Hạt phụ gia Taical	Công Ty TNHH SX Kinh Doanh XNK Nghi Long	Không
6	01012021/ HĐNT/HII- A&C	3.500.000.000	01/01/2020	Năm 2020	Hạt phụ gia Taical	Công ty cổ phần Nhựa A&C chi nhánh tại Bắc Ninh	Không
7	01/HĐNT/ HII-AL	16.000.000.000	02/01/2020	Năm 2020	Hạt phụ gia Taical, hạt màu	Công Ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ Thuật	Không

						Nhựa Âu Lạc	
8	01012020/ HĐNT/ HII-SEIJIN	2.000.000.000	01/01/2020	Năm 2020	Hạt phụ gia Taical	Công ty TNHH Seijin Bags Vina	Không
9	01012020/ HĐNT/ HII-TPA	1.500.000.000	01/01/2020	Năm 2020	Hạt phụ gia Taical	Công ty TNHH Tarpia Vina	Không
10	020120/ HĐNT/ HII-PL	1.700.000.000	02/01/2020	Năm 2020	Bột đá	Công ty TNHH Thương Mại Phú Lâm	Không
11	02012021/ HĐNT/ HII-VNVC	2.500.000.000	01/01/2021	Năm 2021	Hạt phụ gia Taical	Công ty CP Khoáng sản, bao bì & Nhựa Vinavico	Không
12	01012021/ HĐNT/ HII-AL	10.000.000.000	01/01/2021	Năm 2021	Hạt phụ gia Taical, hạt màu	Công Ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ Thuật Nhựa Âu Lạc	Không
13	01012021/ HĐNT/ HII-SJ	3.000.000.000	01/01/2021	Năm 2021	Hạt phụ gia Taical	Công ty TNHH Seijin Bags Vina	Không
14	01012021/ HĐNT/ HII-TPV	1.000.000.000	01/01/2021	Năm 2021	Hạt phụ gia Taical	Công ty TNHH Tarpia Vina	Không
15	10012021/ HĐNT/ HII-PL	2.000.000.000	01/01/2021	Năm 2021	Bột đá	Công ty TNHH Thương Mại Phú Lâm	Không
II	Hợp đồng mua vào						
1	020419/ AP-HC	3.000.000.000	02/04/2019	Năm 2019	Pallet	Công ty cổ phần khai thác đá hoa cương	không
2	01-2019/ PL-AT	50.000.000.000	02/01/2019	Năm 2019	Mua dầu T-35	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	không

3	0301/2019/ HĐNT	10.000.000.000	03/01/2019	Năm 2019	Zince	Công ty cổ phần phụ gia Nhựa	không
4	1106/2019/ VP-AT	2.500.000.000	11/06/2019	Năm 2019	Phụ gia liên kết	Công ty TNHH Công nghệ Vietplas	không
5	02/01/2019/ VP-AT	9.000.000.000	02/01/2019	Năm 2019	Zince	Công ty TNHH Việt Hữu	không
6	01/HDKT- 2020/AT- BBNA	2.000.000.000	01/01/2020	Năm 2020	Vỏ bao	Công ty CP Bao bì Nghệ An	không
7	0201/20/ HĐ-VB	3.500.000.000	02/01/2020	Năm 2020	Vỏ bao	Công ty TNHH bao bì Việt Bắc	không
8	03HĐNT- VH/2020	12.000.000.000	02/01/2020	Năm 2020	Zince	Công ty TNHH Việt Hữu	không
9	219/VNVC/ APYB	3.500.000.000	01/01/2020	Năm 2020	Vỏ bao	Công ty CP Khoáng sản, bao bì & Nhựa Vinavico	không
10	01/MH-AT/ 2020	4.500.000.000	11/05/2020	Năm 2020	Dầu	Công ty cổ phần quốc tế Minh Hải	không
11	30-2021/ PL-AT	31.000.000.000	02/01/2021	Năm 2021	Mua dầu T-350	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phú Lâm	Không
12	2021/HP- AT	23.000.000.000	01/01/2021	Năm 2021	Đá hoa trắng	Hợp tác Xã Hà Phương	Không
13	010121/ HM-AT	60.000.000.000	01/01/2021	Năm 2021	Hạt nhựa tái sinh	Hợp Tác Xã Bao Bì Hoàng Minh	Không
14	01-2021/ TV-AT	25.000.000.000	01/01/2021	Năm 2021	Mua dầu T-350	Công ty Cổ Phần Vận Tài Thành Vũ	Không
15	0401/2021/ HĐNT/ VP-AT	4.000.000.000	04/01/2021	Năm 2021	Mua phụ gia liên kết	Công ty TNHH Công nghệ Vietplas	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Các khách hàng, nhà cung cấp của Công ty 2 năm trở lại đây:

Bảng 16: Khách hàng của Công ty năm 2019

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch trên doanh thu	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
1	Công ty cổ phần nhựa An Phát xanh	17,09%	Năm 2019	Hạt phụ gia	Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Nhựa An Phát Xanh
2	Global New Material Limited	14,99%	Năm 2019	Hạt phụ gia	Không
3	Azov Production Corporation Aleko-Polymers LLC	5,80%	Năm 2019	Hạt phụ gia	Không
4	Công ty cổ phần An Thành Bicsol	5,20%	Năm 2019	Hạt phụ gia	Công ty con
5	Astra Polymer Compounding Co.Ltd.	5,15%	Năm 2019	Hạt phụ gia	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

Bảng 17: Khách hàng của Công ty năm 2020

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch trên doanh thu	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
1	Công ty cổ phần nhựa An Phát xanh	11,41%	Năm 2020	Hạt phụ gia	Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Nhựa An Phát Xanh
2	Global New Material Limited	7,93%	Năm 2020	Hạt phụ gia	Không

3	Filling & packing materials mfg. Co. Saudi stock company (fipco)	5,32%	Năm 2020	Hạt phụ gia	Không
4	Azov Production Corporation Aleko-Polymers LLC	4,44%	Năm 2020	Hạt phụ gia	Không
5	Al Oula Plastic Factory	2,75%	Năm 2020	Hạt phụ gia	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

Bảng 18: Khách hàng của Công ty năm 2021

ST T	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch trên doanh thu	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
1	Kal'tek Llc (Russia)/Ooo Kal'tek	6,40%	Năm 2021	Hạt nhựa phụ gia	Không
2	Filling & Packing Materials mfg. Co. Saudi Stock Company (Fipco)	5,75%	Năm 2021	Hạt nhựa phụ gia	Không
3	Pt. Poly Union Chemicals	4,72%	Năm 2021	Hạt nhựa phụ gia	Không
4	Công ty cổ phần nhựa An Phát xanh	4,65%	Năm 2021	Hạt nhựa phụ gia	Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Nhựa An Phát Xanh
5	Plasticolor	4,39%	Năm 2021	Hạt nhựa phụ gia	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

Bảng 19: Nhà cung cấp của Công ty năm 2019

STT	Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trên doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
1	Công ty cổ phần nhựa An Phát xanh	23,08%	Năm 2019	Hạt nhựa	Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Nhựa An Phát Xanh
2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	8,70%	Năm 2019	Hạt nhựa	Không
3	Công ty cổ phần An Thành Bicsol	8,61%	Năm 2019	Hạt nhựa	Không
4	GEMME NANO TECH (H.K) LIMITED	6,42%	Năm 2019	Hạt nhựa	Không
5	Công ty cổ phần Liên vận An Tín	4,48%	Năm 2019	Dịch vụ vận chuyển	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

Bảng 20: Nhà cung cấp của Công ty năm 2020

STT	Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trên doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
1	Công ty cổ phần nhựa An Phát xanh	10,47%	Năm 2020	Hạt nhựa	Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Nhựa An Phát Xanh
2	Hợp tác xã bao bì Hoàng Minh	7,78%	Năm 2020	Hạt nhựa	Không
3	Lotte Chemical Corporation	7,31%	Năm 2020	Hạt nhựa	Không

4	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	6,32%	Năm 2020	Hạt nhựa	Không
5	Hợp tác xã Hà Phương	4,74%	Năm 2020	Hạt nhựa	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

Bảng 21: Nhà cung cấp của Công ty năm 2021

ST T	Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trên doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
1	Hợp tác xã bao bì Hoàng Minh	14,58%	Năm 2021	Hạt nhựa	Không
2	Công ty CP TM vận tải Thành Vũ	7,26%	Năm 2021	Dầu	Không
3	Công ty cổ phần nhựa An Phát xanh	6,81%	Năm 2021	Hạt nhựa	Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Nhựa An Phát Xanh
4	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	6,53%	Năm 2021	Hạt nhựa, dầu	Không
5	Lotte Chemical Corporation	5,64%	Năm 2021	Hạt nhựa	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a) Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Theo Hiệp hội nhựa Việt Nam, toàn ngành Nhựa Việt Nam có khoảng 2.000 công ty trải dài từ Bắc vào Nam và tập trung chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó các doanh nghiệp nhựa chỉ đáp ứng được khoảng 30% nguồn nguyên liệu nhựa trong nước như PVC, PET, PP, PE, còn lại nguyên vật liệu chủ yếu phụ thuộc nguồn nhập khẩu. Chính vì vậy, nhu cầu pha trộn các chất độn, điển hình như hạt phụ gia CaCO₃ trong ngành nhựa là rất lớn.

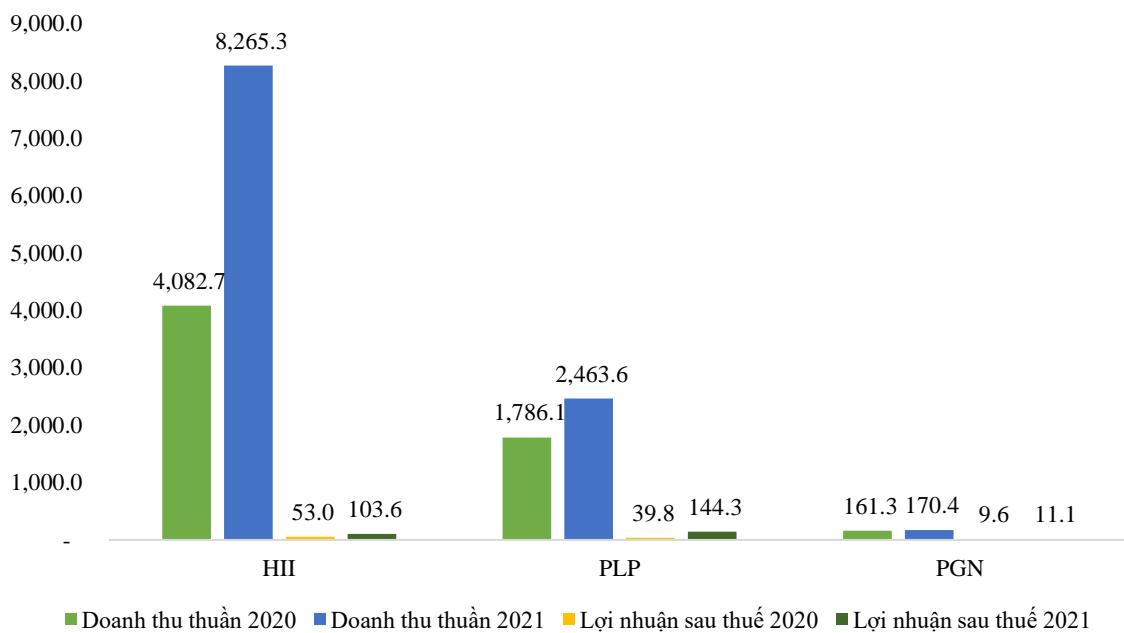
Hạt nhựa phụ gia CaCO₃ là một trong những sản phẩm nổi bật của Công ty. Đây là loại hạt được sản xuất từ bột CaCO₃ trên nền nhựa nguyên sinh. Hạt nhựa từ bột CaCO₃

giúp tiết kiệm chi phí sản xuất và giảm chi phí chất tạo màu, đồng thời tăng độ chịu nhiệt, độ bền và cải thiện cơ lý tính cho sản phẩm cuối cùng.

Trong số các doanh nghiệp ngành nhựa đang niêm yết/ đăng ký giao dịch, hầu hết cung cấp sản phẩm nhựa thuộc các nhóm chính: nhựa bao bì, nhựa xây dựng, nhựa dân dụng, nhựa kỹ thuật. Số ít doanh nghiệp còn lại cung cấp nguyên vật liệu hạt phụ gia nhựa gồm Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (HSX: PLP), Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa (HNX: PGN) và Công ty. Tiến hành thu thập dữ liệu, so sánh kết quả kinh doanh các công ty nêu trên như sau:

Hình 13: Kết quả kinh doanh các doanh nghiệp cấp hạt phụ gia nhựa

Kết quả kinh doanh 2020, 2021



(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, BCTC hợp nhất Q4/2021 các Công ty)

Căn cứ số liệu kết quả kinh theo biểu đồ trên, chỉ tiêu doanh thu của Công ty năm 2020 và năm 2021 vượt trội so với các doanh nghiệp được so sánh: Công nghệ Nhựa Pha Lê (HSX: PLP), Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa (HNX: PGN). Ngoài ra, An Tiến Industries có lợi thế về khâu sản xuất và tiêu thụ.

Khâu sản xuất: Công ty có nguồn nguyên vật liệu đầu vào lớn và ổn định. Cụ thể, nguồn nguyên liệu làm bột đá của Công ty là đá vôi trắng CaCO₃ được khai thác trực tiếp từ mỏ đá Lục Yên và Mông Sơn thuộc Tỉnh Yên Bái – địa bàn có trữ lượng đá vôi lớn của Việt Nam. Đồng thời, Công ty sở hữu nhà máy sản xuất có công suất lớn, đặt tại vùng nguyên liệu giúp giảm chi phí sản xuất.

Khâu tiêu thụ: Công ty sở hữu công ty con là Công ty cổ phần Liên vận An Tín hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa giúp Công ty chủ động trong việc phân phối sản phẩm, giảm chi phí vận tải, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Sản phẩm của Công ty ngoài đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của công ty mẹ (Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh) và thị trường nội địa, sản phẩm còn được xuất khẩu sang 62 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm các thị trường lớn như Châu Âu, Nhật Bản, Úc, Mỹ, Trung Quốc.

b) Triển vọng phát triển của ngành

Trong 5 năm trở lại đây tăng trưởng ngành nhựa khoảng 16% - 18%/năm⁴, mức tăng trưởng này hiện chỉ đứng sau ngành viễn thông, dệt may và là ngành tương đối hấp dẫn. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường, mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt.

Cả nước hiện có khoảng 2.000 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động, trong đó 85% là doanh nghiệp nội, 15% là doanh nghiệp ngoại⁵. Xét về chất lượng đầu tư, doanh nghiệp ngoại chiếm khoảng 40% tổng đầu tư toàn ngành với hệ thống trang thiết bị, máy móc, công nghệ hiện đại nhất hiện nay. Nguồn nhân lực trong doanh nghiệp ngoại có tay nghề và trình độ cao hơn doanh nghiệp nội.

Nhựa được dùng làm nguyên vật liệu để sản xuất nhiều loại sản phẩm thuộc các ngành: điện - điện tử, viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp ... Cùng với sự phát triển của khoa học, công nghệ, nhựa còn được ứng dụng và trở thành vật liệu thay thế cho những vật liệu truyền thống như: gỗ, kim loại, silicat ... Do đó, ngành công nghiệp nhựa ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống con người cũng như là nguyên liệu đầu vào quan trọng trong quá trình sản xuất của các quốc gia.

Năm 2020 vượt qua thách thức của đại dịch, doanh thu của ngành nhựa Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng ở mức 10,9% so với năm 2019 với tổng doanh thu khoảng 22,18 tỷ USD⁶. Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 3,65 tỷ USD, nhưng mức tăng 6,3% so với cùng kỳ năm chỉ bằng một nửa so với năm 2019⁷. Năm 2020 Mỹ vượt qua Nhật Bản trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của sản phẩm nhựa Việt Nam, chiếm 30% trị giá xuất khẩu trong năm 2020. Xuất khẩu tới Mỹ tăng mạnh chủ yếu do tăng xuất khẩu sản phẩm sản nhựa dùng trong xây lắp.

Dự địa tăng trưởng của ngành nhựa Việt Nam được đánh giá còn nhiều do chỉ số tiêu thụ nguyên liệu nhựa bình quân đầu người của Việt Nam còn tương đối thấp so với các nước trong khu vực như Thái Lan, Trung Quốc⁸. Tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người, triển vọng từ các thị trường mới từ các Hiệp định thương mại tự do Việt Nam tham gia (CPTPP, EVFTA, RCEP ...) cũng như tăng trưởng lĩnh vực xây dựng dân dụng, hạ tầng sẽ là động lực tăng trưởng của ngành nhựa Việt Nam trong các năm tới⁹.

c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Công ty định hướng trong giai đoạn 2021 - 2023, Công ty tiếp tục hiện thực hóa tầm nhìn trở thành nhà sản xuất phụ gia nhựa lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Định hướng này hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế

⁴ <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/diem-nghen-kim-da-phat-trien-cua-nganh-cong-nghiep-nhua-viet-nam.html>

⁵ <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/diem-nghen-kim-da-phat-trien-cua-nganh-cong-nghiep-nhua-viet-nam.html>

⁶ <https://tuoitre.vn/nganh-nhua-van-lep-ve-so-voi-san-pham-ngoai-nhap-20210121171402473.htm>

⁷ <https://tuoitre.vn/nganh-nhua-van-lep-ve-so-voi-san-pham-ngoai-nhap-20210121171402473.htm>

⁸ <https://tuoitre.vn/nganh-nhua-van-lep-ve-so-voi-san-pham-ngoai-nhap-20210121171402473.htm>

⁹ <https://tuoitre.vn/nganh-nhua-van-lep-ve-so-voi-san-pham-ngoai-nhap-20210121171402473.htm>

chung trên thế giới:

Theo Quyết định số 2992/QĐ-BCT ngày 17/06/ 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, theo đó:

Mục tiêu phát triển:

- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Từng bước xây dựng và phát triển ngành Nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, xử lý phế liệu nhựa và chế biến thành nguyên liệu, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vững chắc vào kinh tế khu vực và thế giới.
- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao, để ngành Nhựa Việt Nam phát triển ngang tầm với khu vực và trên thế giới.

Định hướng phát triển:

- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam theo hướng hiện đại, tăng cường tự động hóa, từng bước loại bỏ công nghệ, thiết bị cũ, thay thế bằng thiết bị tiên tiến, hiện đại của thế giới, sử dụng công nghệ vật liệu mới đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng, an toàn, vệ sinh, đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường theo quy định của Việt Nam và quốc tế.
- Đầu tư phát triển ngành Nhựa đi thẳng vào công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao, giá thành hạ, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, bảo đảm môi trường sinh thái.
- Huy động tổng hợp mọi nguồn lực trong và ngoài nước tập trung đầu tư các nhà máy sản xuất nguyên liệu, bán thành phẩm, hóa chất, phụ gia cho ngành Nhựa. Bên cạnh đó khuyến khích đầu tư sản xuất khuôn mẫu, phụ tùng, thiết bị cho ngành Nhựa, khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp xử lý phế liệu, phế thải ngành Nhựa.

Như vậy, Nhà nước đã đề ra các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích ngành nhựa Việt Nam phát triển thông qua phát triển chuỗi giá trị ngành đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, mở rộng sản xuất được những sản phẩm chất lượng, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường.

10.8 Hoạt động Marketing

Ngoài hình thức quảng cáo giới thiệu sản phẩm của mình thông qua các phương tiện truyền thống như làm triển lãm, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Công ty tham gia các hội chợ bán hàng quốc tế như: Hội chợ Interpack tại Đức, Hội chợ ngành nhựa tại Thổ Nhĩ Kỳ, Hội chợ tại Úc, Nam Phi, Mỹ... và nhiều hội chợ khác tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội. Đồng thời tìm kiếm khách hàng qua kênh thương mại điện tử, quảng bá sản phẩm trên website Công ty.

Về công tác chăm sóc khách hàng: khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Trên website của Công ty luôn luôn có ít nhất 2 nhân viên kinh doanh online, sẵn sàng hỗ trợ khách hàng về các sản phẩm Công ty cung cấp, tình hình trên thị trường của sản phẩm.

Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên mời các đối tác tới thăm quan nhà máy, môi trường làm việc của Công ty. Đối với các khách hàng trong nước, Công ty tổ chức các Hội nghị khách hàng nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng trong nước.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, bản quyền và có logo riêng:

- Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần An Tiến Industries
- Tên Tiếng Anh: An Tien Industries Joint Stock Company
- Tên viết tắt: ANTIEN INDUSTRIES.,JSC
- Logo Công ty:



- Công ty đã đăng ký tên miền: <https://antienindustries.com/>.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Nhằm hướng đến mục tiêu trở thành nhà sản xuất phụ gia nhựa lớn nhất khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2021 – 2023, Công tác nghiên cứu và phát triển được Công ty hết sức quan tâm, chú trọng. Hai năm trở lại đây cũng như hiện tại, Công ty đề ra chính sách nghiên cứu và phát triển tập trung vào các hoạt động sau:

- Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm compound thân thiện với môi trường và có hàm lượng kỹ thuật cao;
- Nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiêu hao năng lượng, tăng hiệu quả sản xuất;
- Nghiên cứu việc sử dụng các nguyên vật liệu mới trong quá trình sản xuất sản phẩm;
- Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu đa dạng, khắt khe của thị trường xuất khẩu.

Công ty đánh giá các chính sách nghiên cứu và phát triển đã và đang triển khai đã góp phần rất lớn vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm qua. Điều này được phản ánh trên kết quả kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Bảng 22: Một số chỉ tiêu tình hình hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	831.633.449.450	773.298.604.308	841.957.305.020	8,9%
Doanh thu thuần	677.460.923.230	634.442.760.545	691.599.226.532	9,0%
Lợi nhuận sau thuế	50.327.374.952	40.236.075.417	35.780.293.76	-11,1%

Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Bảng 23: Một số chỉ tiêu tình hình hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	1.749.914.301.917	1.530.455.651.489	2.217.512.294.161	44,9%
Doanh thu thuần	4.631.587.521.355	4.082.729.630.752	8.265.252.473.254	102,4%
Lợi nhuận sau thuế	54.088.436.559	52.965.915.785	103.636.422.255	95,7%

Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng lớn đến việc lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp cũng như Công ty. Doanh thu và lợi nhuận hợp nhất năm 2020 giảm nhẹ so với năm 2019. Năm 2021, các hoạt động sản xuất kinh doanh đã tăng trưởng mạnh mẽ, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt 8.265 tỷ đồng và 103,6 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng 102,4% và 95,7% so với cùng kỳ 2020.

10.11 Chiến lược kinh doanh

Trong giai đoạn 2021 - 2023, Công ty tiếp tục hiện thực hóa tầm nhìn trở thành nhà sản xuất phụ gia nhựa lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Thông qua các giải pháp chiến lược trong các hoạt động, cụ thể như sau:

Tổng quan chiến lược:

- Về hoạt động bán hàng: tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm, thị trường hiện hữu và đẩy mạnh xuất khẩu, giữ vững thế là nhà xuất khẩu uy tín trong ngành nhựa Việt Nam.
- Về hoạt động sản xuất và đảm bảo chất lượng: chạy tối đa công suất hai nhà máy sản xuất hạt nhựa và bột đá; tiếp tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm compound thân thiện với môi trường và có hàm lượng kỹ thuật cao; đẩy mạnh các sáng kiến cải tiến trong sản xuất, giảm hao hụt nguyên vật liệu và tiêu hao năng lượng.
- Về hoạt động quản trị doanh nghiệp: Tiếp tục tối ưu hóa hệ thống, tăng cường hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, tinh gọn bộ máy và tối ưu cơ chế phối hợp hoạt động giữa các phòng, ban chức năng và với các đơn vị thành viên.
- Về hoạt động quản trị nguồn nhân lực: phát huy các chính sách nhân sự nhằm bảo

đảm lược lượng nhân sự đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp và bồi đắp khối đoàn kết nội bộ.

- Về gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững và chiến lược kinh doanh: bên cạnh mục tiêu tăng trưởng hiệu quả kinh doanh, Công ty hướng đến đảm bảo lợi ích hài hòa cho các bên liên quan. Công ty cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và tiến tới áp dụng những chuẩn mực quốc tế cao hơn về quản trị sản xuất, tuân thủ môi trường, quản trị doanh nghiệp, đồng thời chung tay với cộng đồng địa phương xây dựng một xã hội văn minh, phát triển.

Thời gian thực hiện: năm 2021 – 2023

Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến:

Nội dung chiến lược nêu trên chủ yếu liên quan đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động: hoạt động bán hàng, hoạt động sản xuất và đảm bảo chất lượng, hoạt động quản trị doanh nghiệp ... và chủ yếu liên quan đến con người. Do vậy không đòi hỏi nguồn vốn lớn để thực thi.

Nguồn lực con người là yếu tố cần thiết để thực thi chiến lược nêu trên, trong đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi. Để làm được điều này, ngoài việc tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ nhân viên các cấp, có chính sách lương, thưởng xứng đáng cho những cá nhân/ tập thể xuất sắc; cũng cần tuyển dụng những lao động có trình độ cao, đủ khả năng thực thi chiến lược đề ra.

10.12 Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Trong số các ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty, ngành nghề kinh doanh có điều kiện gồm:

Bảng 24: Ngành nghề kinh doanh có điều kiện

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: chế biến đá và các sản phẩm từ đá	2399 (chính)	Ngành nghề kinh doanh có điều kiện
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810	Ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiên Industries

Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan như sau:

Điều kiện kinh doanh khoáng sản¹⁰ được quy định tại Điều 14 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các

¹⁰ <https://dms.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/mot-so-quy-%C4%91inh-cua-phap-luat-co-lien-quan-%C4%91en-hoat-%C4%91ong-kinh-doanh-khoang-san-lam-vat-lieu-xay-dung-thong-thuong-nhu-cat-soi-%C4%91at%E2%80%A6-37381-3.html>

Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, theo đó việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh khoáng sản của Công ty cụ thể như sau:

STT	Điều kiện kinh doanh khoáng sản	Việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan
	<p>Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020:</p> <p>Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</p> <p>11. Điều kiện kinh doanh khoáng sản:</p>	
1	a) Là thương nhân theo quy định của Luật Thương mại	đáp ứng
2	b) Thương nhân chỉ được kinh doanh khoáng sản có nguồn gốc hợp pháp	đáp ứng
3	c) Đối với khoáng sản xuất khẩu, ngoài việc đáp ứng các quy định tại điểm a và b khoản này còn phải thuộc danh mục chủng loại và đáp ứng các tiêu chuẩn, chất lượng do Bộ Công Thương quy định. Đối với khoáng sản xuất khẩu trong thành phần chứa thori, urani bằng hoặc lớn hơn 0,05% tính theo trọng lượng phải có giấy phép xuất khẩu vật liệu phóng xạ của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của Luật Năng lượng nguyên tử.	đáp ứng
4	d) Trường hợp khoáng sản nhập khẩu còn tồn kho do không tiêu thụ hết trong nước muốn tái xuất hoặc khoáng sản cần chuyển ra nước ngoài để phân tích, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến và các trường hợp cá biệt khác	đáp ứng
5	đ) Thương nhân kinh doanh khoáng sản phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy.	đáp ứng

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 31/12/2021 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 234 người, cơ cấu lao động trong Công ty như sau:

Bảng 25: Cơ cấu lao động Công ty

STT	Cơ cấu lao động	31/12/2021		Năm 2019		Năm 2020	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
I	Phân loại theo trình độ	234	100%	293	100%	255	100%
1	Trên Đại Học	2	0,85%	3	1,02%	3	1,18%
2	Đại học	52	22,22%	59	20,14%	50	19,61%
3	Cao đẳng, Trung cấp, sơ cấp	35	14,96%	40	13,65%	37	14,51%
4	Công nhân kỹ thuật	145	61,97%	191	65,19%	165	64,71%
II	Phân loại theo thời hạn hợp đồng	234	100%	293	100%	255	100%
1	Lao động thường xuyên	234	100%	293	100%	255	100%
2	Lao động thời vụ	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	234	100%	293	100%	255	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiên Industries

11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.

a) Chế độ làm việc

Người lao động trong Công ty đều được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, Công ty cũng đảm bảo thực hiện chế độ làm việc, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ và các chế độ liên quan cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng quy định của Nhà nước. Những cán bộ nhân viên có thời gian làm việc đủ 12 tháng trở lên hàng năm được nghỉ 12 ngày làm việc. Số ngày nghỉ hàng năm tăng thêm theo thâm niên làm việc, cứ đủ 5 năm làm việc thì được nghỉ thêm 1 ngày. Những cán bộ nhân viên có thời gian làm việc dưới 12 tháng thì thời gian nghỉ hàng năm được tính theo tỷ lệ tương đương với số tháng làm việc trong năm.

Nghỉ ốm, thai sản: cán bộ nhân viên Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm

việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

b) Chính sách tuyển dụng

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong quá trình phát triển, Công ty đặc biệt chú trọng tới việc tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác. Công ty luôn có các chính sách thu hút nhân tài, tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề phục vụ cho công việc.

c) Chính sách đào tạo

Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ nhân viên trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ. Hướng tới tổ chức các lớp học nâng cao kỹ năng chuyên môn. Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

d) Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp, Công ty đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như cán bộ có trình độ và kinh nghiệm. Bộ máy lãnh đạo Công ty gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao, được đào tạo bài bản và đặc biệt là hầu hết đều đã gắn bó với Công ty từ ngày đầu thành lập. Với tầm nhìn chiến lược và định hướng đúng đắn, Công ty cũng thu hút được nhiều nhân tài có kinh nghiệm chuyên sâu, có thâm niên công tác để đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban, các nhà máy sản xuất.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty cũng chú trọng xây dựng mức lương thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, bố trí nhà ở nội trú cho cán bộ công nhân viên ở xa, tổ chức các chương trình văn hoá văn nghệ thể thao, du lịch... tạo sân chơi giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ công nhân viên.

Công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó Công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc.

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết

quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty các năm như sau:

Bảng 26: Tỷ lệ chi trả cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	-	15%	-
Hình thức chi trả	-	Cổ phiếu	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 02 năm trở lại đây, Công ty có hai đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể như sau:

a) Tăng vốn từ 278.500.000.000 đồng lên 320.275.000.000 tỷ đồng

Hình thức phát hành	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
Số lượng đăng ký phát hành	: 4.177.500 cổ phần
Tỷ lệ phân bổ quyền	10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận thêm 1 cổ phiếu mới)
Ngày chốt danh sách cổ đông	: Ngày 15/10/2020
Số lượng cổ phần được phân phối	: 4.177.500 cổ phần
Số lượng cổ đông được phân phối	: 406 cổ đông

b) Tăng vốn từ 320.275.000.000 đồng lên 368.315.080.000 đồng

Hình thức phát hành	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	: 4.804.125 cổ phần
Tỷ lệ phân bổ quyền	: 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 15 cổ phiếu)
Ngày chốt danh sách cổ đông	: 26/07/2021
Ngày hoàn thành việc phát hành	: 26/07/2021
Số lượng cổ phần được phân bổ	: 4.804.008 cổ phần
Số lượng cổ đông được phát hành	: 650 cổ đông

Sau hai đợt tăng vốn nêu trên, vốn điều lệ Công ty tăng lên, cổ đông không phải nộp tiền mua cổ phiếu, Vốn chủ sở hữu Công ty trước và sau thời điểm tăng vốn không thay đổi.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất - Hợp đồng thuê đất số 29/2013/HĐTĐ giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và Công ty Cổ phần An Tiến Industries.

- Địa điểm: Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Diện tích đất: 40.279,3 m²

- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCo₃
- Thời hạn thuê: kể từ ngày 08/01/2010 đến 25/12/2059
- Phương thức nộp tiền thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.
- Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30/09/2021, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:
 - Đến 1 năm: 90.628.425 đồng
 - Từ 1 năm – 5 năm: 362.513.700 đồng
 - Trên 5 năm: 3.058.709.344 đồng

Trái phiếu chưa đáo hạn: Không có

Các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi và các cam kết khác: không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích. Công ty cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung cam kết nêu trên.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 27: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	831.633.449.450	773.298.604.308	841.957.305.020	8,9%
Doanh thu thuần	677.460.923.230	634.442.760.545	691.599.226.532	9,0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	48.403.620.797	42.134.554.664	39.545.329.271	-6,1%
Lợi nhuận khác	46.616.251	84.067.632	(762.186.711)	-1006,6%
Lợi nhuận trước thuế	48.450.237.048	42.218.622.296	38.783.142.560	-8,1%
Lợi nhuận sau thuế	50.327.374.952	40.236.075.417	35.780.293.767	-11,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	15%	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 28: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	1.749.914.301.917	1.530.455.651.489	2.217.512.294.161	44,9%
Doanh thu thuần	4.631.587.521.355	4.082.729.630.752	8.265.252.473.254	102,4%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	62.986.605.679	59.731.019.879	129.119.623.118	116,2%
Lợi nhuận khác	(52.342.512)	(3.080.052.497)	(1.012.944.424)	-67,1%
Lợi nhuận trước thuế	62.934.263.167	56.650.967.382	128.106.678.694	126,1%
Lợi nhuận sau thuế	54.088.436.559	52.965.915.785	103.636.422.255	95,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	15%	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập đối với kết quả kinh doanh: không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

a) Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Các yếu tố thuận lợi:

(1) Tiềm năng tăng trưởng ngành:

Ngành Nhựa đang được coi là một ngành năng động trong nền kinh tế Việt Nam. Sự tăng trưởng đó xuất phát từ thị trường rộng, tiềm năng lớn và đặc biệt là vì ngành nhựa Việt Nam mới chỉ ở bước đầu của sự phát triển so với thế giới và sản phẩm nhựa được sử dụng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống bao gồm sản phẩm bao bì nhựa, sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng, sản phẩm nhựa gia dụng và sản phẩm nhựa kỹ thuật cao.

Thói quen ưa chuộng sử dụng sản phẩm nhựa trong cuộc sống thường ngày của người Việt, đặc biệt là các loại bao bì nhựa, nên, nhu cầu sử dụng nhựa của Việt Nam tương đối cao.

Với mức tăng trưởng kinh tế ổn định, đặc biệt nhu cầu ngành xây dựng, hạ tầng, tiêu dùng cũng như thu nhập bình quân đầu người gia tăng (cùng với đó là sự gia tăng của tầng lớp trung lưu khiến nhu cầu mua sắm gia tăng) sẽ là động lực chính cho đầu ra ngành công nghiệp nhựa trong nước.

(2) Các hiệp định thương mại tự do (FTA) mang đến nhiều cơ hội:

Các hiệp định tự do thương mại Việt Nam đã và đang ký kết như FTAs, EVFTA, CPTPP và RCEP cũng là những yếu tố tích cực giúp cho sản phẩm nhựa Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh khi xuất khẩu sang các thị trường khác. Đặc biệt, RCEP sẽ giúp các công ty Việt Nam mở rộng phạm vi khu vực nguồn nguyên liệu được đảm bảo yêu cầu quy tắc xuất xứ (nếu nguồn nguyên liệu sản xuất của các công ty Việt Nam được nhập từ 1 trong 16 nước như Australia, NewZealand, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước khu vực Đông Nam Á... đều đáp ứng quy tắc xuất xứ) để được hưởng ưu đãi giảm thuế xuất khẩu còn từ 0% -5%.

Khó khăn:

Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào: Ngành nhựa Việt Nam phải nhập khẩu 80% – 90% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất, nguyên liệu chiếm khoảng 75% – 80% giá thành của sản phẩm. Giá nhập khẩu nguyên liệu nhựa phụ thuộc giá dầu, khí thiên nhiên, than đá trên thế giới; khi có sự thay đổi của những yếu tố trên sẽ ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu nhựa, tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giải quyết tình trạng này, Công ty cập nhật thông tin và sử dụng các sản phẩm hedging hàng hóa để kiểm soát giá thành. Ngoài ra, Công ty còn có các ban chuyên môn nghiên cứu, tổng hợp để lựa chọn nhà cung ứng hàng hóa cạnh tranh nhất trên thị trường.

Sản phẩm chính Công ty cung cấp gồm hạt phụ gia nhựa do Công ty sản xuất và

thương mại hạt nhựa. Trong đó để sản xuất hạt phụ gia nhựa, nguyên vật liệu đầu vào là bột đá CaCO₃ (chiếm tỷ trọng 75% - 85%) và phần còn lại là hạt nhựa, phụ gia khác.

Do vậy biến động giá nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty không lớn như các doanh nghiệp khác trong ngành. Mà tác động trên khía cạnh: giá bán nguyên vật liệu trên thị trường biến động, ảnh hưởng đến giá bán sản phẩm của Công ty.

b) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: không có

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 29: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vốn cổ phần đã phát hành	278.500.000.000	320.275.000.000	368.315.080.000
Thặng dư vốn cổ phần	54.103.900.000	54.103.900.000	6.063.820.000
Quỹ đầu tư phát triển	8.736.443.044	11.043.106.930	11.043.106.930
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.564.926.542	1.564.926.542	1.564.926.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	101.204.587.508	88.132.343.495	115.865.422.178
Tổng vốn chủ sở hữu	444.109.857.094	475.119.276.967	502.852.355.650

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 30: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu hợp nhất

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vốn cổ phần đã phát hành	278.500.000.000	320.275.000.000	368.315.080.000
Thặng dư vốn cổ phần	54.103.900.000	54.103.900.000	6.063.820.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(337.778.069)	(1.007.294.337)	(5.536.178.181)
Quỹ đầu tư phát triển	9.448.325.062	12.568.347.223	12.568.347.223
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.564.926.542	1.564.926.542	1.564.926.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	113.780.479.140	100.934.023.554	169.368.835.882
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	104.162.343.778	84.809.692.826	97.109.087.669
Tổng vốn chủ sở hữu	561.222.196.453	573.248.595.808	649.453.919.135

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

b) Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	:	5 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	:	4 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	:	3 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	:	3 - 8 năm
- Phần mềm máy tính	:	3 - 5 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	:	3 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất	:	49 năm

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trích khấu hao tài sản cố định.

c) Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân của người lao động công ty đạt 8.000.000 đ/ tháng. Công ty đánh giá mức lương bình quân này tương đương với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

d) Tình hình công nợ

Tình hình các khoản phải thu của Công ty:

Bảng 31: Tình hình các khoản phải thu Công ty mẹ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	111.354.825.077	125.835.601.784	275.667.972.120
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	70.145.002.780	82.432.577.383	101.381.565.213
Trả trước cho người bán ngắn hạn	37.009.410.387	36.355.766.005	43.668.263.289
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.001.100.000	60.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	4.200.411.910	6.046.158.396	70.618.143.618
Các khoản phải thu dài hạn	-	8.950.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	8.950.000.000	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 32: Tình hình các khoản phải thu hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	481.589.108.549	600.073.835.143	1.198.175.162.782

Phải thu ngắn hạn của khách hàng	330.279.016.842	308.205.095.822	721.445.060.570
Trả trước cho người bán ngắn hạn	86.668.673.844	245.770.516.421	311.964.380.725
Phải thu về cho vay ngắn hạn	33.060.006.849	9.823.500.000	68.350.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	31.581.411.014	48.021.428.600	107.241.921.267
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(11.746.705.700)	(10.826.199.780)
Các khoản phải thu dài hạn	78.957.601.207	69.305.612.924	83.221.279.221
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	20.157.819.337	52.059.052.174
Phải thu về cho vay dài hạn	75.700.000.000	48.005.000.000	30.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	3.257.601.207	1.142.793.587	1.162.227.047

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn:

- Các khoản phải thu quá hạn tại ngày 31/12/2020 là 15.915.757.500 đồng, trong đó nợ có khó năng thu hồi là 4.169.051.800 đồng, nợ xấu không có khả năng thu hồi là 11.746.705.700 đồng, Công ty cũng đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi là 11.746.705.700 đồng, chi tiết như sau:

Các khoản nợ quá hạn trên 1 năm: 11.746.705.700 đồng

- Các khoản phải thu quá hạn tại ngày 31/12/2021 là 10.826.199.780 đồng, trong đó nợ có khả năng thu hồi là 0 đồng, nợ xấu không có khả năng thu hồi là 10.826.199.780 đồng, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi là 10.826.199.780 đồng.

Các khoản phải thu quá hạn của Công ty đều đến từ hoạt động thương mại hạt nhựa của Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (Công ty con của Công ty Cổ phần An Tiến Industries) với khách hàng, và theo đánh giá của Công ty thì khả năng thu hồi các khoản phải thu quá hạn này khá thấp. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị các khoản phải thu quá hạn không có khả năng thu hồi.

Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty:

Bảng 33: Tình hình các khoản nợ phải trả Công ty mẹ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Nợ ngắn hạn	292.733.142.356	270.582.908.930	236.007.414.256
Phải trả người bán ngắn hạn	36.404.881.957	28.988.706.114	28.931.063.568
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	33.717.730.036	1.706.427.842	3.313.469.850
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	115.559.133	752.156.939	1.012.123.925
Phải trả người lao động	2.173.785.273	2.094.373.331	1.942.184.247
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.908.000.000	1.237.500.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	798.252.383	1.529.891.748	1.263.176.228

Vay ngắn hạn	217.432.111.694	233.503.717.704	196.583.833.064
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	182.821.880	770.135.252	2.961.563.374
Nợ dài hạn	94.790.450.000	27.596.418.411	103.097.535.114
Phải trả người bán dài hạn	-	7.599.179.411	19.721.535.114
Vay dài hạn	94.790.450.000	19.997.239.000	83.376.000.000
Tổng cộng	387.523.592.356	298.179.327.341	339.104.949.370

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 34: Tình hình các khoản nợ phải trả hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Nợ ngắn hạn	1.078.677.655.464	930.793.816.681	1.482.617.375.026
Phải trả người bán ngắn hạn	456.296.943.958	303.084.584.390	629.505.431.651
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	55.185.996.618	51.504.043.907	129.646.971.884
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.847.802.322	4.449.028.966	6.942.713.387
Phải trả người lao động	5.787.471.829	5.481.023.843	5.188.699.660
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.320.823.133	1.659.593.920	875.925.875
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	55.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.138.680.056	20.064.681.883	58.506.643.356
Vay ngắn hạn	550.890.185.236	543.630.993.170	648.552.438.368
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	209.752.312	864.866.602	3.398.550.845
Nợ dài hạn	110.014.450.000	26.413.239.000	85.441.000.000
Phải trả dài hạn khác	-	-	365.000.000
Vay dài hạn	110.014.450.000	26.413.239.000	85.076.000.000
Tổng cộng	1.188.692.105.464	957.207.055.681	1.568.058.375.026

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

e) Các khoản phải trả:

- Nợ ngắn hạn, nợ dài hạn: được nêu chi tiết bên trên (mục “d) Tình hình công nợ”)
- Tình hình thanh toán các khoản nợ: Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc đến hạn.
- Thông tin về trường hợp Công ty, công ty con vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết; nguyên nhân và giải pháp khắc phục: không có.

g) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, các khoản phí/lệ phí khác... theo quy định của

pháp luật.

Bảng 35: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước công ty mẹ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	647.293.650	1.000.459.836
Thuế thu nhập cá nhân	115.559.133	104.863.289	11.664.089
Thuế xuất khẩu	-	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	-
Thuế khác	-	-	-
Tổng cộng	115.559.133	752.156.939	1.012.123.925

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 36: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	418.976.337	539.625.792	526.013.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.143.986.558	3.326.630.482	6.210.737.211
Thuế thu nhập cá nhân	284.839.427	448.093.244	205.962.722
Thuế nhập khẩu	-	-	-
Các loại thuế, phí khác	-	134.679.448	-
Tổng cộng	5.847.802.322	4.449.028.966	6.942.713.387

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

h) Trích lập các quỹ

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ Công ty và luật có liên quan. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 37: Số dư các quỹ Công ty mẹ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Quỹ đầu tư và phát triển	8.736.443.044	11.043.106.930	11.043.106.930
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.564.926.542	1.564.926.542	1.564.926.542
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	182.821.880	770.135.252	2.961.563.374
Tổng cộng	10.484.191.466	13.378.168.724	17.862.013.363

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 38: Số dư các quỹ hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Quỹ đầu tư và phát triển	9.448.325.062	12.568.347.223	12.568.347.223
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.564.926.542	1.564.926.542	1.564.926.542
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	209.752.312	864.866.602	3.398.550.845
Tổng cộng	11.223.003.916	14.998.140.367	17.531.824.610

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

i) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: không có

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ:

Bảng 39: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,01	1,01	1,60
- Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,85	0,86	1,45
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,47	0,39	0,40
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,87	0,63	0,67
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,82	0,79	0,86
- Vòng quay vốn lưu động:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	2,23	2,23	2,13
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,80	11,52	12,35
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):			

Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,43%	6,34%	5,17%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	6,12%	5,01%	4,43%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):			
Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	11,92%	8,75%	7,32%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán; BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất:

Bảng 40: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,04	1,08	1,15
- Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,86	0,86	0,93
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,63	0,71
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,12	1,67	2,41
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	2,30	2,49	4,41
- Vòng quay vốn lưu động:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	3,52	3,83	6,09
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	18,24	18,75	29,05
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,17%	1,30%	1,25%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	2,68%	3,23%	5,53%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):			
Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	9,28%	9,34%	16,95%

- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1.129	1.348	2.351
-------------------------------	-------	-------	-------

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

- Khả năng thanh toán:

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng hoàn thành các nghĩa vụ nợ trong ngắn hạn của doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp không rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Các chỉ số thanh toán theo báo cáo công ty mẹ và báo cáo hợp nhất được cải thiện đáng kể trong năm 2021, tăng lần lượt từ 1,01x năm 2020 lên 1,6x năm 2021, và 1,08x năm 2020 lên 1,15x năm 2021. Các chỉ số thanh toán ngắn hạn duy trì lớn hơn 1 qua các năm, phản ánh khả năng thanh toán tốt của công ty.

- Cơ cấu vốn:

Hệ số nợ của Công ty mẹ và hợp nhất đều tăng trong năm 2021, chủ yếu do doanh thu thương mại tăng dẫn đến nợ vay ngắn hạn tài trợ vốn lưu động tăng. Hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty mẹ và hợp nhất năm 2021 lần lượt là 0,4 và 0,71 lần; Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu Công ty mẹ và hợp nhất năm 2021 lần lượt là 0,67 và 2,41 lần.

- Năng lực hoạt động:

Các chỉ số Vòng quay tổng tài sản, Vòng quay vốn lưu động, Vòng quay hàng tồn kho hợp nhất năm 2021 đều tăng so với năm 2020, thể hiện công tác quản lý tài sản, vốn lưu động, hàng tồn kho hiệu quả hơn so với năm trước.

- Khả năng sinh lời:

Các chỉ số sinh lời hợp nhất năm 2021 tăng mạnh so với năm 2020, chủ yếu đóng góp bởi tăng trưởng hiệu quả hoạt động thương mại hạt nhựa.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của Tổ chức phát hành

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2019, 2020, theo đó:

a) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Báo cáo tài chính riêng năm 2019:

- Ý kiến của Kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

- Vấn đề khác: “Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 15/03/2019 với đoạn nhấn mạnh về việc Công ty chưa phân loại vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2018 với số tiền là 49.397.400.000 VND từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn.”

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019:

- Ý kiến của Kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”
- Vấn đề khác: “Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 15/03/2019 với đoạn nhấn mạnh về việc Công ty và các công ty con chưa phân loại vay dài hạn đến hạn trả ngày 31/12/2018 với số tiền là 56.055.400.000 VND từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn.”

b) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Báo cáo tài chính riêng năm 2020:

Ý kiến của Kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020:

Ý kiến của Kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

c) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2021

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021:

Ý kiến của Kiểm toán viên: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên

độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.”

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021:

Ý kiến của Kiểm toán viên: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

a) Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 41: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Năm 2022	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2021
Doanh thu thuần	8.265.252.473.254	9.000.000.000.000	8,9%
Lợi nhuận sau thuế	103.636.422.255	97.000.000.000	-6,4%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,3%	1,1%	-14,0%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	17,0%	15,9%	-6,4%
Tỷ lệ cổ tức	0%	10%	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiên Industries)

b) Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức do Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng dựa trên tình hình thực tế hoạt động của Công ty và tình hình thị trường tiêu thụ, số liệu kế hoạch kinh doanh chính thức sẽ được xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

c) Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên có thể đạt được dựa trên căn cứ: Thị trường trong nước: Việt Nam đã kiểm soát tình hình dịch bệnh Covid-19, tỷ lệ tiêm chủng trên cả nước ngày càng tăng cao. Nhiều biện pháp quyết liệt đã được Chính phủ ban hành nhằm phục hồi nền kinh tế, hỗ trợ kịp thời đối với các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng. Các doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và nước ngoài, nhu cầu thị trường trong nước dần khôi phục.

Thị trường nước ngoài: Năm 2021, hơn 90% cơ cấu doanh thu của Công ty phục vụ thị trường nước ngoài. Các thị trường xuất khẩu của Công ty đã khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, nhu cầu thị trường tăng lên.

Đánh giá khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tiềm năng, nhu cầu thị trường với các mặt hàng Công ty cung cấp năm 2022, đồng thời trên cơ sở thận trọng, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2022 với mức doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 9.000 tỷ đồng và 97 tỷ đồng.

d) Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

Tổ chức tư vấn đã thu thập và xem xét các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty Cổ phần An Tiên Industries cung cấp. Công ty Cổ phần An Tiên Industries cam kết và đảm bảo rằng các thông tin, số liệu cung cấp cho Tổ chức tư vấn là đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tổ chức tư vấn nhận thấy Công ty có bề dày hoạt động trong ngành, đội ngũ cán bộ nhân viên, Ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm, năng động. Sản phẩm Công ty cung cấp có tính cạnh tranh cao, có chỗ đứng trên thị trường, được thị trường đón nhận tích cực.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào tình hình thị trường tiêu thụ sản phẩm. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức có thể đạt được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về tình hình thị trường là sát với thực tế và không có các biến động lớn ảnh hưởng cũng như kiểm soát tốt các chi phí.

Lưu ý rằng những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo và không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Công ty.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

“Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp năm 2009, đến nay đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Tên cổ đông: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800373586 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 27/09/2021
- Trụ sở chính: Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đông, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ: 3.264.344.960.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Lê Trung – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông lớn tại tổ chức phát hành: ông Phạm Ánh Dương – chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

	Thời điểm trở thành cổ đông lớn (01/10/2009)	Hiện tại	Dự kiến sau đợt chào bán
1. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh			
- Số lượng cổ phần nắm giữ	3.900.000	18.603.779	37.207.558
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	97,5%	50,51%	50,51%
2. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan với Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh			

Không có

- Đối với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với các đối tượng này được nêu chi tiết tại mục “10.5 Các hợp đồng lớn”, “10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn” cụ thể như sau:

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch trên doanh thu	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
1	Công ty cổ phần nhựa An Phát xanh	11,41%	Năm 2020	Hạt phụ gia	Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Nhựa An Phát Xanh
2	Công ty cổ phần nhựa An Phát xanh	4,55%	Năm 2021	Hạt phụ gia	Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Nhựa An Phát Xanh

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

STT	Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trên doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
1	Công ty cổ phần nhựa An Phát xanh	23,08%	Năm 2019	Hạt nhựa	Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Nhựa An Phát Xanh
2	Công ty cổ phần nhựa An Phát xanh	6,91%	Năm 2021	Hạt nhựa	Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Nhựa An Phát Xanh

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Tiến Industries)

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh là Công ty mẹ, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần An Tiến Industries nên được hưởng tất cả các lợi ích mà cổ đông được hưởng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị nội bộ Công ty, ngoài ra thì không được hưởng bất kỳ lợi ích nào khác từ Công ty Cổ phần An Tiến Industries.

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:
 - Tên của doanh nghiệp (khách hàng): Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
 - Hoạt động chính của doanh nghiệp: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.
 - Môi quan hệ của cổ đông lớn của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần An Tiến Industries là Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
 - Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: để kiểm soát xung đột lợi ích, Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản trị công ty, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan. Đồng thời, Công ty có cơ chế giám sát, công bố thông tin theo quy định pháp luật để cổ đông được biết và giám sát.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
A	Hội đồng quản trị	
1	Đinh Xuân Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT
3	Đặng Thị Quỳnh Phương	Thành viên HĐQT
4	Đặng Thị Xuê	Thành viên HĐQT
5	Đinh Trọng Đức	Thành viên HĐQT độc lập
B	Ban kiểm soát	
1	Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Diệu Linh	Kiểm soát viên
3	Đỗ Như Quỳnh	Kiểm soát viên
C	Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	
1	Đặng Thị Quỳnh Phương	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Thị Thu Nhân	Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

a) Ông Đinh Xuân Cường - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Đinh Xuân Cường
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 30/08/1976
- Nơi sinh: Hoa Lư – Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 31/115 Trần Cung, Hà Nội
- Số CMND: 011976518 Nơi cấp: CA. Hà Nội Ngày cấp: 06/06/2008
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2003 – 2006	Chuyên viên đầu tư	Calyon Corporate & Investment Bank, Paris, Pháp
2007 – 2010	Phó Tổng Giám đốc	INB Investment, Việt Nam
2011	Phó Tổng Giám đốc	Tập đoàn Ocean
7/2017 - 02/2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
7/2017 - 05/2021	Thành viên Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
2/2018 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
09/2018 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần An Tiến Industries
01/2019 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Ankor Bioplastics Co., Ltd
02/2020 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
1/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	CTCP Sản xuất PBAT An Phát

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings;
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh;
 - Thành viên HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát
 - Thành viên HĐQT Công ty Ankor Bioplastics Co., Ltd
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện Công ty cổ phần 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (ông Đinh

Xuân Cường là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh) sở hữu 18.603.779 cổ phần, chiếm 50,51% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: thông tin về Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là người có liên quan của Ông Đinh Xuân Cường đồng thời là cổ đông của Công ty Cổ phần An Tiên Industries được nêu tại Khoản 2 mục VI phần thông tin cổ đông lớn.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch được nêu chi tiết tại mục 10.5 Các hợp đồng lớn”, “10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn” và các Báo cáo tài chính được công ty công bố
 - Thù lao, tiền lương: thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:
 - + Năm 2019: 60.000.000 đồng
 - + Năm 2020: 60.000.000 đồng
 - + Năm 2021: 60.000.000 đồng
 - Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn người lao động;...): Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:
 - Tên của doanh nghiệp (khách hàng): Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
 - Hoạt động chính của doanh nghiệp: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.
 - Mỗi quan hệ của thành viên HĐQT và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Đinh Xuân Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần An Tiên Industries là Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
 - Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: để kiểm soát xung đột lợi ích, Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản trị công ty, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan. Đồng thời, Công ty có cơ chế giám sát, công bố thông tin theo quy định pháp luật để cổ đông được biết và giám sát.

b) Ông Nguyễn Trung Kiên – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Trung Kiên
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/09/1986

- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: số 16 ngách 583/29 Kim Ngưu, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số CMND: 019086000064 Ngày cấp: 29/06/2015
- Nơi cấp: Cục CSDKQL cư trú và QLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2008 - 2010	Kiểm toán viên	Công ty TNHH E&Y Việt Nam
2010 - 2019	Trưởng phòng Đầu tư/ Trưởng phòng phân tích	Công ty cổ phần chứng khoán SSI
2019 – 2020	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông
2019 – nay	Giám đốc Quan hệ nhà đầu tư	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
2020 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
2020 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần An Tiến Industries
2021 – nay	Thành viên HĐQT	CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát
2021 – nay	Thành viên HĐQT	CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Giám đốc Quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings;
 - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: thông tin về người có liên quan của

thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông được nêu trên

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: không có
 - Thù lao, tiền lương : thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:
 - + Năm 2019: 0 đồng
 - + Năm 2020: 20.000.000 đồng
 - + Năm 2021: 20.000.000 đồng
 - Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn người lao động;...): Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không

c) Bà Đặng Thị Quỳnh Phương – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Đặng Thị Quỳnh Phương
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 24/10/1989
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Đại Sơn – Tứ Kỳ – Hải Dương
- Số CCCD: 030189000926 Ngày cấp: 10/07/2020
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế đối ngoại
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2012 – 2015	Nhân viên	CTCP Nhựa An Phát Xanh
12/2015 – 3/2017	Giám đốc Trung tâm kinh doanh	CTCP Nhựa An Phát Xanh
3/2017 – 08/2020	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh	CTCP Nhựa An Phát Xanh
2/2016 – 09/2018	Thành viên HĐQT	CTCP An Tiến Industries

08/2020 – 11/2020	Phó Tổng Giám đốc thường trực	CTCP An Tiến Industries
04/2020 đến nay	Tổng Giám đốc	CTCP Anbio
11/2020 đến nay	Tổng Giám đốc	CTCP An Tiến Industries
04/2021 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CTCP An Tiến Industries

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Anbio
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: không có
 - Thù lao, tiền lương, tiền thưởng: thù lao, tiền lương Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; tiền lương, tiền thưởng của Tổng Giám đốc theo hợp đồng lao động và quy chế lao động và cá quyết định nội bộ của Công ty, cụ thể như sau:
 - + Năm 2019: 0
 - + Năm 2020: 159.382.232 đồng
 - + 9 tháng 2021: 378.000.000 đồng
 - Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn người lao động;...): Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không

d) Bà Đặng Thị Xuê – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Đặng Thị Xuê
- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 26/10/1982
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Khu 5, phường Hải Tân, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 030182002256 Ngày cấp: 16/05/2016
Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2007 - 02/2008	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Nghĩa Bình
03/2008 - 05/2013	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
06/2013 - 11/2015	Nhân viên Ban thư ký	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
12/2015 - 10/2020	Trưởng phòng mua hàng	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
11/2020 - nay	Giám đốc Ban phát triển chuỗi cung ứng	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
06/2013 – 04/2021	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần An Tiến Industries
04/2021 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần An Tiến Industries

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Ban phát triển chuỗi cung ứng Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội

đồng quản trị và những người có liên quan của họ: không có

- Thù lao, tiền lương: được hưởng tiền lương, thù lao của thành viên Ban kiểm soát, thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

+ Năm 2019: 12.000.000 đồng

+ Năm 2020: 12.000.000 đồng

+ Năm 2021: 20.000.000 đồng

- Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn người lao động;...): Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không

e) Ông Đinh Trọng Đức – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: Đinh Trọng Đức
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/12/1985
- Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 7655 S. Braeswood #32 Houston Texas 77071
- Số CMND/HC: 642754669 Ngày cấp: 25/02/2021 Nơi cấp: USA
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân sinh học và giáo dục
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2007 – 2019	Giám đốc	Intelligent Quotient Enterprise
2014 – 2019	Giám đốc	DTD Investment
2019 – đến nay	Chủ tịch Công ty	An Phat International
04/2021 – đến nay	Thành viên HĐQT độc lập	Công ty Cổ phần An Tiến Industries
07/2021 – đến nay	Giám đốc	Samsing Holdings Pte. Ltd.

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Công ty An Phat International; Giám đốc Công ty Samsing Holdings Pte. Ltd
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được hưởng thù lao của thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:
 - + Năm 2019: 0 đồng
 - + Năm 2020: 0 đồng
 - + Năm 2021: 16.000.000 đồng
 - Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn người lao động;...): Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không

3.2 Ban kiểm soát

a) Bà Nguyễn Thị Huyền - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/12/1985
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Khu 9 - phường Ngọc Châu - Thành phố Hải Dương
- Số CMND: 030185004292 Ngày cấp: 01/12/2016
- Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú &DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
12/2009 – 09/2010	Nhân viên kế toán	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An

		Phát Xanh)
10/2010 – 02/2012	Kế toán trưởng	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái (nay là Công ty Cổ phần An Tiên Industries).
03/2012 – 10/2013	Giám đốc chi nhánh Sài Gòn	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái (nay là Công ty Cổ phần An Tiên Industries).
11/2013 – 04/2015	Thành viên Ban kiểm soát nội bộ	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
05/2015 – 11/2015	Điều phối viên sản xuất	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
11/2015 – 11/2018	Trưởng ban đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
11/2018 – đến nay	Trưởng Phòng Nhân sự khu vực Hải Dương	Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings
04/2019 đến nay	Trưởng ban kiểm soát	Công ty Cổ phần An Tiên Industries

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Phòng Nhân sự khu vực Hải Dương Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kiểm soát viên và những người có liên quan của họ: không có
 - Thù lao, tiền lương: được hưởng thù lao của thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:
 - + Năm 2019: 16.000.000 đồng
 - + Năm 2020: 24.000.000 đồng

+ Năm 2021: 24.000.000 đồng

- Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn người lao động;...): Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp Kiểm soát viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không

b) Bà Nguyễn Diệu Linh - Kiểm soát viên

- Họ và tên: Nguyễn Diệu Linh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 22/09/1991
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: A3 Nơ 18 khu đô thị mới Định Công, P.Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số CMND: 001191000447 Ngày cấp: 26/06/2013
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLĐK Cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2015 - 2017	Chuyên viên phân tích	CTCP Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia
2017 - 2019	Chuyên viên phân tích	CTCP Chứng khoán Toàn Cầu
2019 - nay	Chuyên viên phân tích	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
2021 - nay	Thành viên BKS	CTCP An Tiến Industries

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Kiểm soát viên
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên phân tích Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực

hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kiểm soát viên và những người có liên quan của họ: không có

- Thù lao, tiền lương: được hưởng thù lao của thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:
 - + Năm 2019: 0 đồng
 - + Năm 2020: 0 đồng
 - + Năm 2021: 12.000.000 đồng
- Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn người lao động;...): Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp Kiểm soát viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không

c) Bà Đỗ Như Quỳnh - Kiểm soát viên

- Họ và tên: Đỗ Như Quỳnh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 22/07/1992
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Quang Phục - Tứ Kỳ - Hải Dương
- Số CMND: 142637376 Ngày cấp: 24/06/2008 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Bảo hiểm
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
5/2015 - 10/2018	Nhân viên Thư ký sản xuất	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
10/2018 - 9/2020	Trưởng phòng Cải tiến sản xuất	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
9/2020 đến nay	Trợ lý Sản xuất	Công ty cổ phần An Tiến Industries
04/2021 đến nay	Thành viên ban kiểm soát	Công ty Cổ phần An Tiến Industries

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Trợ lý Sản xuất, Kiểm soát viên
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: thông tin về người có liên quan của kiểm soát viên đồng thời là cổ đông được nêu trên
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kiểm soát viên và những người có liên quan của họ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch được nêu chi tiết tại mục “10.5 Các hợp đồng lớn”, “10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn” và các Báo cáo tài chính được công ty công bố
 - Thù lao, tiền lương: được hưởng thù lao của thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và tiền lương, thưởng tại vị trí trợ lý sản xuất theo hợp đồng lao động; quy chế lao động công ty và các quyết định nội bộ của Công ty, cụ thể như sau:
Năm 2019: 0 đồng
Năm 2020: 82.548.271 đồng
Năm 2021: 179.232.091 đồng
 - Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn người lao động;...): Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp kiểm soát viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không có.

3.3 Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

a) Bà Đặng Thị Quỳnh Phương - Tổng giám đốc

Thông tin chi tiết được nêu tại mục “3.1 Hội đồng quản trị” nêu trên

b) Bà Nguyễn Thị Thu Nhân - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Nhân
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/02/1988
- Nơi sinh: Yên Bái
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Phường Hợp Minh – Thành phố Yên Bái – Yên Bái
- Số CMND: 060823371 Ngày cấp: 12/02/2016 Nơi cấp: CA Yên Bái
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
8/2011 – 2012	Nhân viên Kế toán	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái (nay là Công ty Cổ phần An Tiến Industries).
2012 – 2015	Phụ trách Phòng kế toán	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái (nay là Công ty Cổ phần An Tiến Industries).
2016 – 2/2018	Phó Giám đốc	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái (nay là Công ty Cổ phần An Tiến Industries).
3/2018 – 07/2018	Phó Tổng Giám đốc	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái (nay là Công ty Cổ phần An Tiến Industries).
08/2018 – đến nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần An Tiến Industries

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Kế toán trưởng
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: không có
 - Thù lao, tiền lương, thưởng: được hưởng lương, thưởng tại vị trí Kế toán trưởng theo hợp đồng lao động, quy chế lao động và các quyết định nội bộ của Công ty, cụ thể như sau:
 - Năm 2019: 258.626.154 đồng
 - Năm 2020: 284.970.231 đồng
 - Năm 2021: 271.887.191 đồng
 - Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn người lao động;...): Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không

-

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 36.831.508 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 368.315.080.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi tám tỷ, ba trăm mười lăm triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*)

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng kết hợp phương pháp giá trị sổ sách; bình quân giá thị trường (giá đóng cửa) cổ phiếu HII và có cân nhắc các yếu tố khác để tăng tính hấp dẫn của đợt chào bán, cụ thể như sau:

a) Phương pháp giá trị sổ sách

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Giá trị cổ phiếu ưu đãi - Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành}}$$

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	
		(BCTC riêng bán niên soát xét tại ngày 30/06/2021)	(BCTC hợp nhất bán niên soát xét tại ngày 30/06/2021)
1	Vốn chủ sở hữu	485.286.324.184	618.102.956.318
2	Giá trị cổ phiếu ưu đãi	0	0
3	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	93.667.238.636
4	Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	32.027.500	32.027.500
5	Giá trị sổ sách	15.152	16.375

b) Bình quân giá thị trường (giá đóng cửa) cổ phiếu HII 20 phiên giao dịch từ ngày 01/10/2021 đến ngày 28/10/2021:

STT	Ngày	Mã chứng khoán	Giá đóng cửa (đồng)
1	28/10/2021	HII	20.100
2	27/10/2021	HII	18.800

3	26/10/2021	HII	18.400
4	25/10/2021	HII	18.550
5	22/10/2021	HII	18.150
6	21/10/2021	HII	17.950
7	20/10/2021	HII	18.050
8	19/10/2021	HII	17.900
9	18/10/2021	HII	18.050
10	15/10/2021	HII	18.350
11	14/10/2021	HII	18.450
12	13/10/2021	HII	18.200
13	12/10/2021	HII	18.100
14	11/10/2021	HII	18.250
15	8/10/2021	HII	18.500
16	7/10/2021	HII	19.000
17	6/10/2021	HII	18.350
18	5/10/2021	HII	17.700
19	4/10/2021	HII	17.400
20	1/10/2021	HII	17.600
Trung bình			18.292

(Nguồn: Công ty tổng hợp)

c) Tổng hợp phương pháp tính giá:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
1	Giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách <i>(BCTC riêng bán niên soát xét tại ngày 30/06/2021)</i>	15.152
2	Giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách <i>(BCTC hợp nhất bán niên soát xét tại ngày 30/06/2021)</i>	16.375
3	Bình quân giá thị trường <i>(giá đóng cửa)</i> cổ phiếu HII 20 phiên giao dịch	18.292
Trung bình		16.606

Căn cứ đề xuất mức giá phát hành: căn cứ kết quả tổng hợp phương pháp tính giá, tình hình thị trường chứng khoán, nhằm tăng tính hấp dẫn của đợt chào bán và đảm bảo đợt chào bán diễn ra thành công, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Như vậy, giá chào bán được xác định bằng 66,00% giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính riêng được kiểm toán hoặc soát xét kỳ gần nhất và bằng 61,06% giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét kỳ gần nhất, và bằng 54,67% so với giá trị cổ phiếu HII đang được giao dịch trên thị trường.

7. Phương thức phân phối

- a. Toàn bộ cổ phiếu của đợt chào bán này sẽ được chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 1:1 như sau:
 - Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần: 1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu phổ thông sẽ được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua được mua thêm 01 cổ phiếu mới).
 - Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 109 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu phát hành thêm tương ứng là: $109/1 \times 1 = 109$ cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm là 1:1 nên sẽ không phát sinh cổ phiếu lẻ.
- b. Phương thức xử lý số cổ phiếu không bán hết:
 - Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết là số cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán. Số cổ phần còn lại này sẽ được Hội đồng quản trị Công ty chào bán cho các Nhà đầu tư khác với điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu) để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần chào bán;
 - Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán cho Nhà đầu tư khác theo quyết định của Hội đồng quản trị bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
 - Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
 - Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- 8.1. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: không có
- 8.2. Thời hạn đăng ký: Tối thiểu 20 ngày kể từ ngày được phép thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền mua theo thời gian đã công bố
- 8.3. Phương thức thanh toán
 - Đối với cổ đông đã lưu ký, cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Công ty.
 - Cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa của Công ty.
 - Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
- 8.4. Chuyển giao cổ phiếu:

- Sau khi VSD gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các Thành viên lưu ký, Thành viên lưu ký hạch toán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa phát hành.
- Khi cổ phiếu được thông báo chính thức phát hành bổ sung, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2022, sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Các mốc thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Nhận giấy phép đăng ký chào bán chứng khoán từ UBCKNN	D
2	CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D + 5
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền	D + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D + 15
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D + 17
6	Phân bổ và thông báo quyền mua	D + 24
7	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt mua	D + 24 đến D + 44
8	Tổng hợp danh sách	D + 51
9	Gửi báo cáo kết quả chào bán cổ phần cho UBCKNN	D + 53
10	Lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung	D + 57
11	Trao giấy chứng nhận sở hữu cho nhà đầu tư mua thành công	D + 57 đến D + 77

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ phiếu phát hành là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ 3).
- Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết (là số cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán) sẽ được Hội đồng quản trị chào

bán cho các Nhà đầu tư khác với điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu) bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần An Tiến Industries
- Số tài khoản: **115002650815**
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Hải Dương

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài tại Công ty như sau:

- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài hiện nay (*tại ngày 11/10/2021*): 0,57% vốn điều lệ.
- Căn cứ theo các ngành nghề kinh doanh hiện nay của Công ty và căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ – CP và các quy định khác có liên quan, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%. Công ty cũng đã thực hiện thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định tại Điều 142 Nghị định 155/2020/NĐ – CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50% trong quá trình triển khai đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Đối với Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết trong đợt chào bán này, Hội đồng quản trị sẽ ưu tiên phân phối cho nhà đầu tư trong nước, trong trường hợp phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài sẽ đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty không vượt quá 50% theo quy định.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1 Đối với Công ty

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thuế giá trị gia tăng (VAT): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

14.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2013:

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân:

- Bao gồm thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:
 - Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
 - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
- Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức:

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phần như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phần = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.
- Thuế suất = Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phần như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phần = Tổng giá trị cổ phần bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

15. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết:

- Cam kết hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

- Cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.
- Cam kết tuân thủ các quy định Pháp luật liên quan đến việc phân phối cổ phiếu không chào bán hết như sau:

Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết là số cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán. Số cổ phần còn lại này, Hội đồng quản trị sẽ chào bán cho các Nhà đầu tư khác với điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu) để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần chào bán;

Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán cho Nhà đầu tư khác theo quyết định của Hội đồng quản trị bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt
Không có

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích sau:

- Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng;....).
- Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa; công cụ dụng cụ; nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải, điện, nước,...); thanh toán lương, lương khuyến khích, bảo hiểm và các khoản phụ cấp cho người lao động.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán:

- Số lượng cổ phiếu chào bán : 36.831.508 cổ phiếu
- Giá chào bán dự kiến : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán : 368.315.080.000 đồng

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán dự kiến
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng;....)	150.000.000.000	
	<i>Trả nợ vay ngắn hạn:</i>	<i>150.000.000.000</i>	
	- <i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương</i>	<i>129.043.195.173</i>	<i>Tháng 03/2022 đến tháng 05/2022</i>
	- <i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Hải Dương</i>	<i>16.313.905.633</i>	<i>Tháng 04/2022</i>
	- <i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa</i>	<i>4.642.899.194</i>	<i>Tháng 03/2022</i>
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa; công cụ dụng cụ; nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải, điện, nước,...); thanh toán lương, lương khuyến khích, bảo hiểm và các khoản phụ cấp cho người lao động.	218.315.080.000	Năm 2022

	<i>a) Mua hàng hóa; công cụ dụng cụ; nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải, điện, nước,...)</i>	188.315.080.000	Quý I – Quý 2/2022
	<i>b) Thanh toán lương, thưởng và các khoản phụ cấp cho người lao động</i>	30.000.000.000	Năm 2022
3	Tổng cộng	368.315.080.000	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, Công ty Cổ phần An Tiến Industries sẽ thực hiện phân bổ lần lượt theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi sử dụng hết tổng số tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:

(1) Trả nợ vay ngắn hạn và ưu tiên các khoản nợ tới hạn trước: 150.000.000.000 đồng

(2) Mua hàng hóa; công cụ dụng cụ; nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải, điện, nước,...): 188.315.080.000 đồng

(3) Thanh toán lương, thưởng và các khoản phụ cấp cho người lao động: 30.000.000.000 đồng.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội

Điện thoại : (024) 3868 9566

Website : www.ey.com

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ : Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 024 3377 6699

Website : <https://sbsi.vn/>

3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn

Bản cáo bạch này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc chào bán chứng khoán ra công chúng của Công ty Cổ phần An Tiến Industries. Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers với tư cách là tổ chức tư vấn dựa vào các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần An Tiến Industries cung cấp, thực hiện tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng. Công ty Cổ phần An Tiến Industries chịu toàn bộ trách nhiệm về thông tin có trong Bản cáo bạch này và xác nhận rằng:

- Bản cáo bạch này chứa đựng các thông tin liên quan đến Công ty Cổ phần An Tiến

Industries;

- Các tuyên bố về các sự kiện thực tế nêu trong Bản cáo bạch này là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn về mọi khía cạnh;
- Công ty Cổ phần An Tiến Industries không bỏ sót bất kỳ sự kiện nào khác liên quan đến việc chào bán chứng khoán ra công chúng mà nếu sự kiện đó bị bỏ sót khỏi Bản cáo bạch này có thể làm cho bất kỳ tuyên bố nào trong Bản cáo bạch này bị hiểu sai về bất kỳ khía cạnh quan trọng nào.

Việc Tổ chức tư vấn khẳng định rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng không được hiểu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers đưa ra bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính trung thực hay sự đầy đủ của bất kỳ thông tin nào trong Bản cáo bạch này.

Nhà đầu tư nên nghiên cứu kỹ các thông tin có trong Bản cáo bạch này, và nếu thấy cần thiết, nên tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn thuế, pháp lý hoặc kinh doanh của mình để ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19/08/2021
2. Điều lệ Công ty
3. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán
4. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán
5. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét
6. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất quý 4 năm 2021
7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 101101/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/11/2021 thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán;
8. Nghị quyết HĐQT thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty;
9. Nghị quyết HĐQT thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

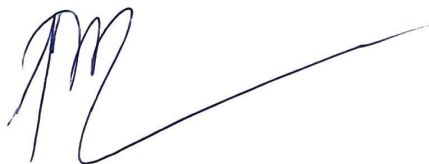
Hà Nội, ngày 21... tháng 02... năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIEN INDUSTRIES
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đinh Xuân Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Quỳnh Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Nhân

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Thị Huyền



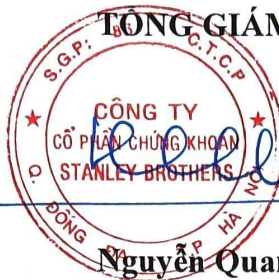
AN TIEN

MSDN

5200466372

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

LÔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Quang Anh

